

Số: 3711 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 02 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021, Quyết định số 3689/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh trên địa bàn thành phố Biên Hòa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 3689/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 và điểm a khoản 5 Điều 1 Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ;*

*Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của UBND TP. Biên Hòa tại Tờ trình số 18316/TTr-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 733/TTr-LĐTBXH ngày 29 tháng 9 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**





**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021, Quyết định số 3689/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh trên địa bàn các phường: Long Hưng, Tam Hiệp, Thanh Bình gồm 749 người lao động với tổng kinh phí hỗ trợ là 1.123.500.000 đồng (một tỷ, một trăm hai mươi ba triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn).

*(Danh sách đính kèm theo Quyết định).*

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Sơn Hùng**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG  
BỊ MẤT VIỆC LÀM DO DỊCH DỊCH COVID - 19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA (ĐỢT 33)

(Kèm theo Quyết định số 8741/QĐ-UBND ngày 02/10/2021 của UBND UBND tỉnh Đồng Nai)

| STT                    | Họ và tên         | Năm sinh   | CMND         | Địa chỉ               | Công việc trước khi mất việc làm | Địa điểm làm việc                    | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại | Số tiền hỗ trợ | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|------------------------|-------------------|------------|--------------|-----------------------|----------------------------------|--------------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------------|---------|
| <b>1. Xã Long Hưng</b> |                   |            |              |                       |                                  |                                      |                    |                   |                |                          |         |
| 1                      | Lê Quang Hải      | 08/11/1976 | 271214645    | khu Đình, An Xuân     | thợ hàn                          | khu vực xã Long Hưng                 | 09/07/2021         | 0                 | 1.500.000      |                          |         |
| 2                      | Thị Nga           | 01/01/1984 | 371931493    | Khu bà Khánh, An Xuân | phụ hồ                           |                                      | 09/07/2021         | 0                 | 1.500.000      |                          |         |
| 3                      | Lê Văn Khảm       | 01/01/2002 | 385872256    | khu bà Khánh, An Xuân | phụ hồ                           | khu vực xã Long Hưng                 | 09/07/2021         | 0                 | 1.500.000      |                          |         |
| 4                      | Nguyễn Thị Út Lớn | 11/04/1967 | 385714050    | Khu bà Khánh, An Xuân | phụ hồ                           | khu vực xã Long Hưng                 | 09/07/2021         | 0                 | 1.500.000      |                          |         |
| 5                      | Phạm Văn Nhà      | 01/01/1968 | 370462081    | khu 3, Phước Hội      | phụ hồ                           | khu vực xã Long Hưng                 | 09/07/2021         | 0                 | 1.500.000      |                          |         |
| 6                      | Nguyễn Văn Cẩm    | 22/08/1987 | 271821758    | Khu Đình, An Xuân     | phụ hồ, đào đất, đóng cừ         | khu vực xã Long Hưng                 | 09/07/2021         | 0                 | 1.500.000      |                          |         |
| 7                      | Nguyễn Hoàng Danh | 05/01/1991 | 272113059    | khu Đình, An Xuân     | phụ hồ, đào móng nhà             | khu vực xã Long Hưng                 | 09/07/2021         | 0                 | 1.500.000      |                          |         |
| 8                      | Nguyễn Văn Minh   | 10/04/1981 | 276089831    | khu Lò, An Xuân       | lái xe chở hàng                  | khu phố Tân Cảng, Phường Phước Tân   | 09/07/2021         | 0                 | 1.500.000      |                          |         |
| 9                      | Trần Ngọc Diệu    | 15/08/1978 | 271976868    | khu Đình, An Xuân     | phụ hồ                           | khu vực xã Long Hưng                 | 09/07/2021         | 0                 | 1.500.000      |                          |         |
| 10                     | Triệu Văn Phong   | 10/03/1975 | 340948672    | khu Đình, An Xuân     | phụ hồ                           | khu vực xã Long Hưng                 | 09/07/2021         | 0                 | 1.500.000      |                          |         |
| 11                     | Đỗ Văn Huy        | 15/02/1970 | 079070004163 | khu bà Khánh, An Xuân | xây dựng (đào móng nhà)          | Aqua city, Long Hưng (dịch nên nghỉ) | 09/07/2021         | 0                 | 1.500.000      |                          |         |



|    |                     |            |              |                       |                                       |                                         |            |   |           |  |  |
|----|---------------------|------------|--------------|-----------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 12 | Lê Hoàng Hải        | 03/10/1988 | 301245963    | Khu bà khánh, An Xuân | lái xe tải (xây dựng)                 | Aqua city, Long Hưng<br>(dịch nên nghỉ) | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 13 | Hồ Thị Vân Đào      | 13/09/1986 | 075186002538 | Khu bà khánh, An Xuân | bán cơm vỉa hè                        | Khu bà khánh, An Xuân                   | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 14 | Nguyễn Thị Nhung    | 19/01/1992 | 272226735    | Khu Đình, An Xuân     | phủ quần cơm                          | ấp An Xuân, Long Hưng                   | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 15 | Phạm Văn Bảy        | 01/01/1970 | 270945528    | Khu L.ò, An Xuân      | phủ hồ                                | Khu vực xã Long Hưng                    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 16 | Lê Hồng Tuyết       | 20/02/1978 | 271337039    | An Xuân, Long Hưng    | thợ cắt tóc                           | Khu Đình An Xuân                        | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 17 | Phạm Minh Hùng      | 23/12/1972 | 271214562    | Khu Đình, An Xuân     | phủ hồ                                | Khu vực xã Long Hưng                    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 18 | Nguyễn Thị Sơn      | 01/01/1952 | 087152000680 | Khu L.ò, An Xuân      | máy khâu                              | Khu L.ò, An Xuân                        | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 19 | Trịnh Thị Hên       | 01/01/1951 | 270233619    | an xuân               | phủ quần lâu bó                       | lâu bó Tam An, ấp An Xuân, Long Hưng    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 20 | Châu Thị Ánh Nguyệt | 08/07/1961 | 270233906    | An Xuân               | bán hủ tiếu tại nhà<br>(quán nhỏ)     | Khu L.ò, An Xuân                        | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 21 | Nguyễn Khánh Tuấn   | 16/01/1998 | 331811705    | Khu L.ò, An Xuân      | phủ hồ                                | aqua city, Long Hưng<br>(dịch nên nghỉ) | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 22 | Nguyễn Văn Hưng     | 01/01/1964 | 330687557    | Khu L.ò, An Xuân      | thợ xây                               | aqua city, Long Hưng<br>(dịch nên nghỉ) | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 23 | Lê Trung Tinh       | 28/02/1996 | 331728618    | Khu L.ò, An Xuân      | thợ xây                               | aqua city, Long Hưng<br>(dịch nên nghỉ) | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 24 | Huỳnh Văn Hùng      | 28/02/1972 | 351004181    | Khu L.ò, ấp An Xuân   | xây dựng (lâm cospina)                | ấp An Xuân, Long Hưng                   | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 25 | Lê Thị Bé Giải      | 15/03/1974 | 351049693    | ấp An Xuân            | xây dựng (lâm cospina)                | ấp An Xuân, Long Hưng                   | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 26 | Phạm Văn Phụng      | 28/08/1990 | 276089187    | Khu bà khánh, An Xuân | phủ bún đồ điện tử<br>(không có HDLD) | DNTN thiết bị điện<br>Ngọc Huy, An Hòa  | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 27 | Lê Văn Minh Lương   | 01/01/1961 | 350394177    | Khu L.ò, ấp An Xuân   | xây dựng (lâm cospina)                | ấp An Xuân, Long Hưng                   | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 28 | Lê Văn Sang         | 01/01/1978 | 089078001158 | Khu L.ò, ấp An Xuân   | xây dựng (lâm cospina)                | ấp An Xuân, Long Hưng                   | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|    |                      |            |           |                       |                        |                                       |            |   |           |  |  |
|----|----------------------|------------|-----------|-----------------------|------------------------|---------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 29 | Đoàn Thị Liên        | 01/01/1983 | 352493603 | khu Lò, ấp An Xuân    | xây dựng (làm coospha) | ấp An Xuân, Long Hưng                 | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 30 | Nguyễn Hùng          | 01/01/1971 | 350972888 | khu Lò, ấp An Xuân    | xây dựng (làm coospha) | ấp An Xuân, Long Hưng                 | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 31 | Lê Hùng Thao         | 01/01/1971 | 350882633 | khu Lò, ấp An Xuân    | xây dựng (làm coospha) | ấp An Xuân, Long Hưng                 | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 32 | Lê Văn Quốc Cường    | 19/11/1992 | 341642257 | khu Lò, ấp An Xuân    | xây dựng (làm coospha) | ấp An Xuân, Long Hưng                 | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 33 | Nguyễn Văn Đo        | 10/12/1996 | 352407350 | khu Lò, ấp An Xuân    | xây dựng (làm coospha) | ấp An Xuân, Long Hưng                 | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 34 | Nguyễn Văn Bên       | 01/01/1969 | 350768924 | khu Lò, ấp An Xuân    | xây dựng (làm coospha) | ấp An Xuân, Long Hưng                 | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 35 | Nguyễn Thị Tỷ        | 30/12/1994 | 352407351 | khu Lò, ấp An Xuân    | xây dựng (làm coospha) | ấp An Xuân, Long Hưng                 | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 36 | Châu Văn Phước       | 20/05/1989 | 271908195 | khu bà khánh, An Xuân | phụ xe                 | khu vực xã Long Hưng                  | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 37 | Trần Minh Tiến       | 01/09/1981 | 271446701 | ấp An Xuân            | phụ hồ                 | khu vực xã Long Hưng                  | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 38 | Châu Ngọc Phương     | 20/07/1971 | 271123797 | khu Lò, An Xuân       | bán cả phế tại nhà     | khu Lò, An Xuân                       | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 39 | Vũ Hồng Thắng        | 01/01/1967 | 270738082 | ấp An Xuân            | phụ hồ                 | khu vực phường Long Bình Tân          | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 40 | Phan Thị Ngọc Mẫn    | 07/05/1986 | 271779553 | ấp An Xuân            | thợ may gia đình       | Khu Đình An Xuân                      | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 41 | Lê Văn Cảnh          | 08/10/1987 | 352078997 | ấp An Xuân            | xây dựng (làm coospha) | ấp An Xuân, Long Hưng                 | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 42 | Trần Thị Kim Ngân    | 07/05/1993 | 272237637 | khu Lò, An Xuân       | phụ quán               | Quán Lá Úi Thu, ấp An Xuân, Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 43 | Lê Hùng Phương       | 01/11/1980 | 271446589 | khu Đình, An Xuân     | phụ hồ                 | khu vực xã Long Hưng                  | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 44 | Đoàn Trọng Đạt       | 03/01/2001 | 271450259 | ấp An Xuân            | sơn nước               | An Phú - Bình Dương                   | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 45 | Nguyễn Thị Thủy Hằng | 16/12/1998 | 272679531 | khu Đình, An Xuân     | bán trà sữa, đồ ăn vặt | Khu phố 1, P. An Hòa                  | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|    |                        |            |           |                       |                                  |                                              |            |   |           |  |  |
|----|------------------------|------------|-----------|-----------------------|----------------------------------|----------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 46 | Châu Anh Nga           | 15/03/1963 | 270233940 | Khu Lò, An Xuân       | bán cái, nước mía<br>tại nhà     | Khu Lò, An Xuân                              | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 47 | Trương Út Hòa          | 01/01/1985 | 371001891 | khu bà Khánh, An Xuân | xây dựng (lâm coospha)           | ấp An Xuân, Long Hưng                        | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 48 | Danh Huỳnh             | 20/08/1993 | 371687771 | khu bà Khánh, An Xuân | xây dựng (lâm coospha)           | ấp An Xuân, Long Hưng                        | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 49 | Danh Hoài Hân          | 01/01/1985 | 371287871 | khu bà Khánh, An Xuân | xây dựng (lâm coospha)           | ấp An Xuân, Long Hưng                        | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 50 | Danh Dũng              | 01/01/1981 | 371287870 | khu bà Khánh, An Xuân | xây dựng (lâm coospha)           | ấp An Xuân, Long Hưng                        | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 51 | Danh Châu              | 01/01/1991 | 371976165 | khu bà Khánh, An Xuân | xây dựng (lâm coospha)           | ấp An Xuân, Long Hưng                        | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 52 | Nguyễn Thị Kim<br>Loan | 13/05/1981 | 271446657 | ấp An Xuân            | giúp việc nhà theo<br>giờ        | khu vực Long Hưng                            | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 53 | Nguyễn Tấn Dũng        | 10/06/1986 | 271786573 | ấp An Xuân            | thợ hàn                          | khu vực Vườn Xoài,<br>Phước Tân              | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 54 | Lê Minh Sang           | 24/09/1980 | 271446639 | Khu Lò, An Xuân       | thợ sửa xe ô tô, xe<br>tải tự do | không có định                                | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 55 | Lý Thanh Hùng          | 01/01/1981 | 271996970 | khu Lò, ấp An Xuân    | bán nước giải khát<br>via hê     | ấp An Xuân, Long Hưng                        | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 56 | Nguyễn Vũ Lâm          | 31/08/1983 | 271606158 | ấp An Xuân            | phụ hồ                           | khu vực phường Long<br>Bình Tân              | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 57 | Huỳnh Văn Danh         | 20/10/1964 | 270233867 | ấp An Xuân            | phụ hồ                           | khu vực An Hòa                               | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 58 | Phan Văn Sáng          | 01/01/1978 | 271798270 | ấp An Xuân            | lái xe chở hàng thuê             | không có định                                | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 59 | Huỳnh Văn Sĩa          | 12/08/1980 | 271446596 | khu Lò, An Xuân       | cho thuê bàn ghế, nhà<br>vườn    | khu vực xã Long Hưng                         | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 60 | Võ Văn Theo            | 01/01/1964 | 270233502 | khu Đình, An Xuân     | hớt tóc                          | Khu Đình An Xuân                             | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 61 | Chiế Hồng Quý          | 18/07/1977 | 271331919 | khu Lò, An Xuân       | lái xe chở hàng                  | số 1, Nguyễn Thông, phường<br>9, Q.3, TP.HCM | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 62 | Nguyễn Tấn Dũng        | 12/08/1981 | 271446603 | Khu bà Khánh, An Xuân | phụ hồ                           | khu vực xã Long Hưng                         | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|    |                    |            |           |                           |                                     |                                                |            |   |           |  |  |
|----|--------------------|------------|-----------|---------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 63 | Thái Thị Mai Anh   | 14/05/1984 | 271606143 | kh. Lỗ, An Xuân           | phụ quán ăn                         | kh. Lỗ, An Xuân                                | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 64 | Dương Minh Phụng   | 01/01/1986 | 281322908 | kh. Lỗ, An Xuân           | thư sửa chữa điện xe tự do          | kh. Lỗ, An Xuân                                | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 65 | Châu Thanh Bình    | 12/09/1975 | 271214647 | ấp An Xuân                | bếp xếp                             | lưu động                                       | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 66 | Nguyễn Thị Gái     | 01/01/1960 | 270233520 | kh. Đình, An Xuân         | bán quần cơm                        | Khu Đình An Xuân                               | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 67 | Trần Thị Hiền      | 08/07/1962 | 270230574 | kh. 2, Phước Hội          | phụ bếp ăn                          | Nhà hàng Thanh Trúc, khu phố 1, An Hòa         | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 68 | Lê Kim Thủy        | 07/06/1979 | 271331945 | Loổ K38 khu TĐC Long Hưng | lưu hàng gia công (xé giấy, cắt ch) | bà 5 Dân, khu 3, Phước Hội                     | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 69 | Hồng Anh Tuấn Dũng | 02/01/1976 | 271331961 | Loổ K38 khu TĐC Long Hưng | phụ hồ                              | kh. vực long Hưng                              | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 70 | Bùi Văn Đình       | 01/01/1978 | 271337221 | kh. 3, Phước Hội          | phụ hồ                              | kh. vực long Hưng                              | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 71 | Lê Tấn Lộc         | 01/01/1968 | 270737778 | kh. 2, Phước Hội          | thư hàn                             | kh. vực long Hưng                              | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 72 | Huỳnh Thị Khéo     | 01/01/1966 | 270737933 | kh. 2, Phước Hội          | phụ nấu ăn dân cư                   | kh. vực long Hưng                              | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 73 | Lê Văn Phương      | 01/01/1964 | 270230895 | kh. 2, Phước Hội          | phụ hồ                              | kh. vực long Hưng                              | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 74 | Trần Văn Nữ        | 26/10/1955 | 270230880 | kh. 2, Phước Hội          | phụ hồ                              | kh. vực long Hưng                              | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 75 | Lý Mỹ Hằng         | 21/04/2004 | 276033135 | kh. 1, Phước Hội          | Phụ cắt tóc, nail                   | Tiệm Hoa Thu Tại 265 Ngõ Duyên, An hòa         | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 76 | Nguyễn Duy Lộc     | 01/01/1960 | 270088326 | kh. 1, Phước Hội          | xe ôm                               | kh. vực long Hưng                              | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 77 | Trần Thị Mai Hồng  | 10/02/1988 | 271895485 | kh. 2, Phước Hội          | uốn tóc                             | kh. 2, Phước Hội                               | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 78 | Lê Thị Lanh        | 23/11/1970 | 270945800 | kh. 2, Phước Hội          | phụ bếp nấu ăn                      | miền non tư thực Phương Hoàng, Nguyễn Hữu Cảnh | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 79 | Chế Thị Mười       | 06/07/1964 | 270257048 | kh. 2, Phước Hội          | bán hàng rong (bánh ướt, bún xào)   | kh. vực long Hưng                              | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|    |                     |            |           |                               |                               |                                      |            |   |           |  |  |
|----|---------------------|------------|-----------|-------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 80 | Nguyễn Văn Tiến     | 05/06/1977 | 271266340 | Khu 2, Phước Hội              | phụ hồ                        | Khu vực long Hưng                    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 81 | Dương Thị Kim Thu   | 09/01/1980 | 271353123 | Khu 3, Phước Hội              | thợ may tại nhà               | Khu 3, Phước Hội                     | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 82 | Nguyễn Thanh Vương  | 06/03/1982 | 271446560 | Lô H39 Khu TĐC Long Hưng      | phụ việc đá hoa Cương         | Lô H39 Khu TĐC Long Hưng             | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 83 | Nguyễn Duy Lan      | 22/08/1970 | 272115004 | Lô H40 Khu TĐC Long Hưng      | Thợ sơn (trang trí nội thất)  | Khu vực long Hưng                    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 84 | Võ Thị Nga          | 01/01/1970 | 270945185 | Lô B38 Khu TĐC Long Hưng      | bóc xếp gạch                  | Vựa gạch Anh Đen, An Xuân, Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 85 | Nguyễn Ngọc Mai     | 15/03/1971 | 270945531 | Khu 1, Phước Hội              | thợ may gia đình              | Khu 1, Phước Hội                     | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 86 | Mai Thị Tuyết Sương | 01/01/1968 | 272226846 | Lô F1 Khu 3, Phước Hội        | phụ bếp (nấu ăn cho học sinh) | trường Tầm Học Long Hưng             | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 87 | Phạm Văn Chi        | 01/01/1976 | 271353159 | Khu 1, Phước Hội              | thợ xây                       | Khu vực long Hưng                    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 88 | Trần Văn Lợi        | 28/11/1993 | 276097235 | Khu 2, Phước Hội              | phụ hồ                        | Khu vực long Hưng                    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 89 | Trần Văn Trí        | 09/03/1989 | 272015029 | Khu 2, Phước Hội              | phụ hồ                        | Khu vực long Hưng                    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 90 | Trần Văn Sang       | 01/01/1978 | 271331963 | Khu 2, Phước Hội              | phụ hồ                        | Khu vực long Hưng                    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 91 | Trần Văn Nhị        | 01/01/1955 | 270737890 | Khu 2, Phước Hội              | phụ hồ                        | Khu vực long Hưng                    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 92 | Phan Văn Dị         | 01/01/1973 | 271123588 | Khu 2, Phước Hội              | phụ hồ                        | Khu vực long Hưng                    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 93 | Dỗ Hòa Hiệp         | 28/04/1984 | 271606020 | Khu 2, Phước Hội              | thợ xây                       | Khu vực long Hưng                    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 94 | Lưu Đức Hải         | 01/01/1964 | 270230587 | Khu 1, Phước Hội              | thợ hồ                        | Khu vực long Hưng                    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 95 | Hồ Thanh Sơn        | 29/11/1955 | 270737902 | 150, Phước Hội                | thợ sửa chữa điện tử          | 150, Phước Hội, Long Hưng            | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 96 | Trần thị Liên       | 01/01/1969 | 270945274 | Lô G1, 3 Khu tạm cư Long Hưng | bàn công Khu vực via hè chợ   | chợ Long Bình Tân                    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                         |            |           |                                |                                    |                                    |            |   |           |  |  |
|-----|-------------------------|------------|-----------|--------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 97  | Lương Tấn Tài           | 15/03/1988 | 272006536 | Khu 1, Phước Hội               | bán dưa đào                        | Khu vực Long Hưng                  | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 98  | Trần Thị Chính          | 01/01/1976 | 271337056 | Khu 1, Phước Hội               | bán nước giải khát<br>vía hè       | Khu 1, Phước Hội                   | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 99  | Nguyễn Văn Hải          | 11/10/1989 | 272006535 | Khu 2, Phước Hội               | bán xe tải chở hàng                | Khu vực Biên Hòa                   | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 100 | Lương Thị Huệ           | 27/12/1991 | 272041020 | Khu 1, Phước Hội               | uốn tóc                            | Khu vực Long Hưng                  | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 101 | Là Thị Kim Chi          | 04/03/1959 | 270000300 | lô F1, 06 Khu tạm cư Long Hưng | mua bán công                       | Khu 3, Phước Hội                   | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 102 | Nguyễn Thị Hồng<br>Lan  | 27/10/1980 | 271353124 | lô F1, 15 Khu tạm cư Long Hưng | bán cái, giải khát vĩa<br>hè đường | Khu 3, Phước Hội                   | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 103 | Trần Thị Hoa            | 01/01/1960 | 270231071 | Khu 2, Phước Hội               | lao công dọn dẹp                   | mảnh non Hoa Sen,<br>Long Bình tân | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 104 | Nguyễn Tấn Phước        | 08/06/1975 | 271199515 | Khu 2, Phước Hội               | thợ xây                            | Khu vực Long Hưng                  | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 105 | Nguyễn Văn Hoàng        | 17/05/1974 | 271821169 | Khu 2, Phước Hội               | phụ hồ                             | Khu vực Long Hưng,<br>Bến Giố      | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 106 | Trinh Thị Năm           | 01/01/1956 | 270737873 | Lô G40 Khu TĐC Long Hưng       | thợ may                            | Lô G40 Khu TĐC Long Hưng           | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 107 | Nguyễn Thị Kim Phi      | 13/05/1981 | 271416452 | Khu 1, Phước Hội               | bán hàng rong<br>(bán rau)         | Khu vực Long Hưng                  | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 108 | Nguyễn Thanh tân        | 24/02/1995 | 272501352 | 322, Phước Hội                 | phụ hồ                             | Khu vực Long Hưng                  | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 109 | Nguyễn Thị Ngọc<br>Chi  | 24/12/1972 | 271199655 | Khu 1, Phước Hội               | thợ may                            | Khu 1, Phước Hội                   | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 110 | Trần Văn Thuyền         | 01/01/1974 | 276022262 | Khu 2, Phước Hội               | phụ hồ                             | Khu vực Long Hưng                  | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 111 | Nguyễn Thị Giải         | 01/01/1952 | 270230892 | Khu 2, Phước Hội               | may gĩa đình                       | Khu 2, Phước Hội                   | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 112 | Nguyễn Thị Ngọc<br>Nhan | 01/01/1958 | 270230598 | Khu 1, Phước Hội               | bán bán thịt nướng                 | Khu 1, Phước Hội                   | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 113 | Nguyễn Thị Lan          | 01/01/1965 | 301355713 | Khu 2, Phước Hội               | giúp việc gĩa đình                 | nhà anh Hiền Khu 2,<br>Phước Hội   | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                       |            |              |                                 |                  |                            |            |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|--------------|---------------------------------|------------------|----------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 114 | Hồ Sỹ Sơn             | 18/01/1965 | 212034566    | Khu 2, Phước Hội                | chạy xe ba gác   | Khu vực Long Hưng          | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 115 | Đoàn Thị Hòa          | 20/07/1968 | 270737905    | Khu 2, Phước Hội                | thợ may gia đình | Khu 2, Phước Hội           | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 116 | Đỗ Hùng Chính         | 21/05/1993 | 272226675    | Khu 3, Phước Hội                | chạy xe ba gác   | Khu vực Long Hưng          | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 117 | Điệp Văn Kiệt         | 15/02/1975 | 382065558    | Công trình Aqua city, Long Hưng | phụ hồ           | dự án Aqua City, Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 118 | Lê Văn An             | 16/08/1980 | 225093941    | Công trình Aqua city, Long Hưng | phụ hồ           | dự án Aqua City, Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 119 | Nguyễn Thị Kim Phuong | 01/01/1979 | 225519206    | Công trình Aqua city, Long Hưng | phụ hồ           | dự án Aqua City, Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 120 | Lê Văn Dương          | 01/01/1979 | 340990283    | Công trình Aqua city, Long Hưng | phụ hồ           | dự án Aqua City, Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 121 | Diệp Văn Mẫn          | 10/02/2000 | 382030869    | Công trình Aqua city, Long Hưng | phụ hồ           | dự án Aqua City, Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 122 | Bùi Văn Tư            | 01/01/1986 | 092086005108 | Công trình Aqua city, Long Hưng | phụ hồ           | dự án Aqua City, Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 123 | Lê Văn Âu             | 17/09/1986 | 172904624    | Công trình Aqua city, Long Hưng | phụ hồ           | dự án Aqua City, Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 124 | Lê Hải Bằng           | 02/02/2000 | 334982577    | Công trình Aqua city, Long Hưng | phụ hồ           | dự án Aqua City, Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 125 | Lê Văn Tuấn           | 01/01/1979 | 334245157    | Công trình Aqua city, Long Hưng | phụ hồ           | dự án Aqua City, Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 126 | Bùi Văn Toàn          | 01/01/1986 | 341311461    | Khu Đình, An Xuân               | phụ hồ           | dự án Aqua City, Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 127 | Lê Hoàng Huỳnh        | 12/09/1990 | 334583564    | Khu Đình, An Xuân               | phụ hồ           | dự án Aqua City, Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 128 | Nguyễn Văn Tài        | 12/09/1970 | 320778158    | An Xuân                         | phụ hồ           | dự án Aqua City, Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 129 | Mai Văn Trung         | 20/03/1983 | 038082001294 | Khu TĐC Long Hưng               | phụ hồ           | Khu vực Long Hưng          | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 130 | Nguyễn Thị Ngọc Hà    | 01/01/1978 | 334469337    | Khu tam cư Long Hưng            | phụ hồ           | Khu vực Long Hưng          | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



03/03/2021

|     |                  |            |              |                           |        |                   |            |   |           |  |  |
|-----|------------------|------------|--------------|---------------------------|--------|-------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 131 | Nguyễn Quốc An   | 01/01/1984 | 281101067    | khu tạm cư Long Hưng      | phụ hồ | khu vực Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 132 | Nguyễn Văn Phong | 01/01/1982 | 334133596    | khu tạm cư Long Hưng      | phụ hồ | khu vực Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 133 | Trần Quang Vinh  | 20/04/1982 | 261406926    | khu tạm cư Long Hưng      | phụ hồ | khu vực Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 134 | Lê Văn Lành      | 15/10/1993 | 385600807    | lô HSH 01-05 ấp Phước Hội | phụ hồ | khu vực Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 135 | Phạm Thanh Hào   | 12/05/1994 | 366049777    | lô HSH 01-05 ấp Phước Hội | phụ hồ | khu vực Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 136 | Nguyễn Tấn Phi   | 12/02/1998 | 264517938    | lô HSH 01-05 ấp Phước Hội | phụ hồ | khu vực Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 137 | Lê Huỳnh Như     | 11/02/2003 | 385908083    | lô HSH 01-05 ấp Phước Hội | phụ hồ | khu vực Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 138 | Dương Văn Bông   | 01/01/1983 | 381698519    | khu tái định cư Long Hưng | phụ hồ | khu vực Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 139 | Phạm Thị Ngọc    | 20/02/1979 | 212024685    | khu tái định cư Long Hưng | phụ hồ | khu vực Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 140 | Lê Công Minh     | 16/07/1997 | 038097010890 | khu tạm cư Long Hưng      | phụ hồ | khu vực Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 141 | Lê Văn Khảo      | 20/03/1994 | 241594618    | khu tái định cư Long Hưng | phụ hồ | khu vực Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 142 | Nguyễn Văn Thọ   | 11/08/1984 | 030084006708 | khu tái định cư Long Hưng | phụ hồ | khu vực Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 143 | Nguyễn Huy Thuận | 01/08/1978 | 225561975    | khu tái định cư Long Hưng | phụ hồ | khu vực Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 144 | Dương Trung Hiếu | 03/11/2004 | 077204001870 | khu tái định cư Long Hưng | phụ hồ | khu vực Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 145 | Trần Văn Giã     | 1993       | 381576511    | khu tái định cư Long Hưng | phụ hồ | khu vực Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 146 | Trần Vy          | 01/01/1972 | 365028752    | khu tái định cư Long Hưng | thợ hồ | khu vực Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 147 | Phạm Uy Linh     | 16/08/1971 | 22658511     | khu tạm cư Long Hưng      | thợ hồ | khu vực Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                    |            |              |                                        |        |                      |            |   |           |  |  |
|-----|--------------------|------------|--------------|----------------------------------------|--------|----------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 148 | Dương Thị Bông     | 13/07/1971 | 079171010823 | khu tạm cư Long Hưng                   | phụ hồ | khu vực Long Hưng    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 149 | Lê Thị Hươi        | 0/0/1981   | 092181004491 | Lô HSH 01-05 khu tái định cư Long Hưng | phụ hồ | khu vực Long Hưng    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 150 | Đỗ Văn Phúc        | 01/01/1984 | 361997946    | Lô HSH 01-05 Khu tái định cư Long Hưng | thợ hồ | khu vực Long Hưng    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 151 | Lê Thị Ưt          | 01/08/1981 | 051605531    | khu tái định cư Long Hưng              | phụ hồ | khu vực Long Hưng    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 152 | Nguyễn Thị Thuý    | 12/02/1997 | 352344142    | khu tái định cư Long Hưng              | phụ hồ | khu vực Long Hưng    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 153 | Nguyễn Duy Phương  | 01/01/1988 | 351761553    | khu tái định cư Long Hưng              | thợ hồ | khu vực Long Hưng    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 154 | Nguyễn Văn Chiến   | 10/03/2003 | 352759399    | khu tái định cư Long Hưng              | lạm hồ | khu vực Long Hưng    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 155 | Tần Thanh Tuấn     | 15/05/1954 | 350411023    | khu tái định cư Long Hưng              | phụ hồ | khu vực Long Hưng    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 156 | Lâm Văn Sang       | 01/01/1975 | 334017321    | khu tái định cư Long Hưng              | thợ hồ | khu vực Long Hưng    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 157 | Tần Hoàng Linh     | 09/11/1978 | 334179212    | khu tái định cư Long Hưng              | thợ hồ | khu vực Long Hưng    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 158 | Đào Thị Phúc       | 10/10/1971 | 211283724    | khu tái định cư Long Hưng              | phụ hồ | khu vực Long Hưng    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 159 | Tương Thái Bảo     | 28/11/2000 | 381903011    | khu tái định cư Long Hưng              | phụ hồ | khu vực Long Hưng    | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 160 | Nguyễn Văn Tuấn    | 01/01/1984 | 351675575    | khu Lô, An Xuân                        | phụ hồ | khu vực xã Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 161 | Phạm Hồng Toàn     | 01/01/1967 | 340777957    | khu Lô, An Xuân                        | phụ hồ | khu vực xã Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 162 | Phạm Thị Kiều Oanh | 21/10/2005 | 342109104    | khu Lô, An Xuân                        | phụ hồ | khu vực xã Long Hưng | 09/07/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

## 2. Phường Tam Hiệp

|     |                |           |           |            |                  |                       |          |   |           |  |  |
|-----|----------------|-----------|-----------|------------|------------------|-----------------------|----------|---|-----------|--|--|
| 163 | Hà Thị Ngọc Nữ | 9/23/1969 | 270781059 | 165/14 KPl | Thợ may gia đình | 165/14A KPl, Tam Hiệp | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
|-----|----------------|-----------|-----------|------------|------------------|-----------------------|----------|---|-----------|--|--|



|     |                     |            |              |                         |                                |                                     |            |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------------|--------------|-------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 164 | Nguyễn Thái Học     | 10/24/1964 | 270089703    | 165/14 KP1              | Thợ hồ                         | Khu vực Tam Hiệp                    | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 165 | Võ Khả Bình         | 12/21/2000 | 092200005358 | 141/32 tổ 6 kp1         | Lái xe tải thuê cho hàng       | 20/4 tổ 5 KP4 P.Tân Hòa             | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 166 | Nguyễn Thị Hiệp     | 8/1/1969   | 270783884    | TT 99/28 KP1            | Bán cát lệ đường               | 99/28 KP1 Tam Hiệp                  | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 167 | Nguyễn Hoàng Anh    | 10/16/1983 | 075083002116 | 198/37 kp1              | Xe ôm                          | D. Ng. Ái Quốc P.Tân Tiến           | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 168 | Tổng Văn Chi        | 4/10/1966  | 270951290    | 128/31 KP1              | Xe ôm                          | Khu vực Biên Hòa                    | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 169 | Nguyễn Quốc Dũng    | 4/18/1981  | 271517579    | 240/41 KP1              | Lái xe chở khách thuê (16 chỗ) | 133/33 KP1 Tam Hiệp                 | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 170 | Ngô Thị Ngọc Hân    | 1/1/1984   | 271951095    | TT 126B/30 KP1          | Phụ bán hàng چاپ khô           | Chợ Tam Hòa                         | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 171 | Vũ Thị Tuyết Anh    | 2/8/1987   | 271919547    | 256/43 KP1              | Thợ may gia đình               | 256/43 KP1 Tam Hiệp                 | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 172 | Trần Thị Minh Tuyết | 7/10/1970  | 271105595    | 39/70/7 KP1             | Giúp việc gia đình             | 4A/82 KP12 Hồ Nai                   | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 173 | Hà Phương Quỳnh     | 10/26/1999 | 202404105    | TT 476/6 KP1            | Bán bánh tráng dáo             | Đường Phạm Văn Thuận, Tam Hiệp      | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 174 | Hà Phương Uyên      | 5/14/2002  | 206407535    | TT 476/6 KP1            | Thu gom rác, phế liệu          | Khu vực P.Tam Hiệp                  | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 175 | Nguyễn Tiến Ngự     | 01/12/1984 | 034084004367 | TT. 531/10 kp 2         | phụ quán ốc                    | quán ốc nóng 531/10 kp 2 Tam Hiệp   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 176 | Phạm Phi Lộc        | 18/02/1978 | 271356925    | nhà không số tổ 10 kp 2 | phụ hồ                         | khu vực thành phố Biên Hòa          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 177 | Trương Quang Bình   | 04/01/1977 | 042077003476 | nhà không số, tổ 8 kp 2 | thợ hàn                        | tại nhà không số tổ 8 kp 2 Tam Hiệp | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 178 | Nguyễn Ngọc Dung    | 10/20/1975 | 272123522    | 50/6 tổ 3 kp 2          | Thợ uốn tóc                    | tại nhà 50/6 tổ 3 kp 2 Tam Hiệp     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 179 | Lương Tấn An Khương | 01/01/1981 | 271416561    | 50/6 tổ 3 kp 2          | phụ hồ                         | khu vực thành phố Biên Hòa          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 180 | Trần Thanh Trung    | 1981       | 271116626    | 234/23b tổ 7 kp 2       | phụ hồ                         | khu vực thành phố Biên Hòa          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                     |            |           |                             |                           |                                          |            |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------------|-----------|-----------------------------|---------------------------|------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 181 | Lương Tấn An Khang  | 09/11/1974 | 271143311 | 50/6 tổ 3 kp 2              | phụ hồ                    | Khu vực thành phố Biên Hòa               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 182 | Lê Quốc Tuấn        | 21/06/1993 | 272266098 | 177/18a kp 2                | lái xe 2 bánh công nghệ   | Khu vực thành phố Biên Hòa               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 183 | Vũ Văn Vinh         | 22/06/1975 | 271269924 | 595/14 kp 2                 | xe ôm                     | Khu vực thành phố Biên Hòa               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 184 | Nguyễn Đức Nhân     | 09/08/1997 | 272547560 | 531/85/18 kp 2              | nhân viên phục vụ         | quán Sương Sương 531/85/18 kp 2 Tam Hiệp | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 185 | Nguyễn Quốc Trí     | 31/05/1979 | 250426781 | TT.703/75 tổ 10 kp 2        | giúp việc gia đình        | 162 kp 2 Tam Hiệp                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 186 | Nguyễn Thị Kim Yến  | 28/03/1970 | 270872189 | 39/5 tổ 9 kp 2              | giúp việc gia đình        | 703/70 tổ 9 kp 2 Tam Hiệp                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 187 | Bùi Thiệp Trần      | 05/06/1974 | 271143467 | 140/14 kp 2                 | phụ bàn quán cháo         | quán cháo lòng 595/3 kp 2 Tam Hiệp       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 188 | Vương Thảo Mỹ       | 25/06/1995 | 272428097 | 703/22/5 tổ 9 kp 2          | bán giò, chả              | 64/5 p. Tân Tiến                         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 189 | Lê Văn Quang        | 1972       | 320762810 | nhà không số tổ 10 kp 2     | bán tiếp kho, cá kho rong | Khu vực p. Tam Hiệp                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 190 | Vũ Thị Dung         | 29/08/1962 | 270107514 | 595/25 kp 2                 | Thợ uốn tóc               | 595/25 kp 2 Tam Hiệp                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 191 | Phạm Trung Bảo Ngọc | 7/14/1980  | 271356898 | 48b/5 kp 2                  | phụ hồ                    | Khu vực p. Hồ Nai                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 192 | Trần Văn Tiến       | 1967       | 270696223 | 57/c tổ 3 kp 2              | phụ hồ                    | Khu vực thành phố Biên Hòa               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 193 | Nguyễn Văn Lý       | 13/04/1968 | 022123547 | nhà không số tổ 13 kp 2     | bán bún vỉa hè            | hẻm 69 Khu vực kp 6 Tam Hiệp             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 194 | Mai Ngọc Huyền      | 27/06/1997 | 272768662 | 703/65/21 tổ 13 kp 2        | Thợ uốn tóc               | 703/65/21 tổ 13 kp 2 Tam Hiệp            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 195 | Trần Ngọc Gian      | 09/09/1985 | 331400974 | TT. nhà không số tổ 10 kp 2 | phụ hồ                    | Khu vực thành phố Biên Hòa               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 196 | Nguyễn Thị Lan      | 25/05/1957 | 270088911 | 703/3/32 tổ 3 kp 2          | thợ may gia đình          | 20/9 kp 3 p. Tân Mai                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 197 | Nguyễn Thị Kim Loan | 1974       | 271143379 | 631/7 kp 2                  | giúp việc nhà theo giờ    | tổ 3 kp 2 Tam Hiệp                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                  |            |           |                           |                  |                                            |            |   |           |  |  |
|-----|------------------|------------|-----------|---------------------------|------------------|--------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 198 | Võ Văn Dược      | 1968       | 361230891 | TT.631/7 tổ 3 kp 2        | phụ hồ           | khu vực thành phố Biên Hòa                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 199 | Kim Văn Sô       | 1990       | 305794325 | TT.631/7 tổ 3 kp 2        | phụ hồ           | khu vực thành phố Biên Hòa                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 200 | Thạch Sà Rùm     | 01/01/1986 | 366078133 | TT.631/17 kp 2            | thu gom phế liệu | Vua phế liệu Thanh Phong kp 9 Tam Hiệp     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 201 | Trần Minh Tuấn   | 23/06/1970 | 271362867 | 215/21 kp 2               | phụ hồ           | khu vực thành phố Biên Hòa                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 202 | Nguyễn Canh Hồng | 01/01/1975 | 121427568 | TT.nhà không số tổ 9 kp 2 | bóc vác          | chợ nông sản Q. Thủ Đức                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 203 | Lê Văn Bang      | 1968       | 271385185 | 52/6d tổ 3 kp 2           | thợ hồ           | khu vực thành phố Biên Hòa                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 204 | Võ Minh Quang    | 1974       | 271143318 | 52/6c kp 2                | thợ hồ           | khu vực thành phố Biên Hòa                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 205 | Trần Quang Lâm   | 01/01/1979 | 271313053 | 222/22 kp 2               | sửa cơ điện lạnh | cơ điện lạnh Quang Lâm tổ 11 kp 2 Tam Hiệp | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 206 | Ngô Văn Út       | 01/01/1985 | 38145719  | nhà không số kp 2         | phụ hồ           | khu vực thành phố Biên Hòa                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 207 | Lê Văn Kiệt      | 01/02/1956 | 270624794 | TT.222/2 KP 2             | phụ hồ           | khu vực thành phố Biên Hòa                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 208 | Trần Thị Thanh   | 15/08/1963 | 270107548 | 56/74 kp 2                | giúp việc nhà    | 526/3 kp 9 Tam Hiệp                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 209 | Huyền Văn Dê     | 01/01/1980 | 385446078 | TT.631/7 tổ 3 kp 2        | bóc vác          | khu vực p. Tam Hiệp                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 210 | Kim Văn Tỳ       | 01/01/2004 | 366370794 | TT.631/7 tổ 3 kp 2        | phụ hồ           | khu vực thành phố Biên Hòa                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 211 | Ứng Sau Hềh      | 17/10/1971 | 271033772 | TT.49/6b tổ 3 kp 2        | phụ hồ           | khu vực thành phố Biên Hòa                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 212 | Trương Ngọc Lưu  | 17/02/1986 | 186106955 | TT. tổ 13 kp 2            | chạy xe ôm       | khu vực thành phố Biên Hòa                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 213 | Trần Ngọc Liên   | 30/01/1971 | 270951260 | 57/6 tổ 13 kp 2           | thợ may gia đình | 257/6 tổ 13 kp 2 Tam Hiệp                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 214 | Thái Thị Phi     | 1968       | 272583017 | nhà không số tổ 13 kp 2   | bán bánh mì dạo  | khu vực phường Tam Hiệp                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                        |            |              |                             |                        |                                          |            |   |           |  |  |
|-----|------------------------|------------|--------------|-----------------------------|------------------------|------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 215 | Võng Lâm Chánh         | 25/09/1962 | 270031980    | 56/6c tổ 13 kp 2            | giúp việc nhà          | 51/6a tổ 13 kp 2 Tam Hiệp                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 216 | Bùi Thị Thảo Vy        | 21/08/1986 | 271767698    | nhà không số tổ 13 kp 2     | giúp việc nhà          | 402/9/23 kp 3 Tam Hiệp                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 217 | Huỳnh Văn Miên         | 1976       | 321243183    | TT. 703/61 kp2              | thu gom rác, phễu hiệu | tổ 6 kp 5 p. Tân Hiệp                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 218 | Huỳnh Thị Vàng         | 20/08/1976 | 271240613    | 703/53 tổ 13 kp 2           | thợ may gia đình       | 703/53 tổ 13 kp 2 Tam Hiệp               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 219 | Phạm Xuân Bằng         | 11/02/1981 | 271400450    | 703/65/19/24 kp 2           | phụ hồ                 | khu vực thành phố Biên Hòa               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 220 | Danh Kim Hoa           | 09/07/1966 | 271990477    | 57/c tổ 3 kp 2              | bán rau, củ rong       | kp 2 p. Tân Hiệp                         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 221 | Nguyễn Văn Mạnh        | 21/04/1978 | 271828670    | nhà không số tổ 10 kp 2     | thợ điện               | tại nhà tổ 10 kp 2 Tam Hiệp              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 222 | Nguyễn Văn Truật       | 1960       | 270089555    | 57c kp 2                    | thợ xây                | khu vực thành phố Biên Hòa               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 223 | Thái Huỳnh Anh Kiệt    | 13/11/1997 | 272577546    | 703/66 kp 2                 | phục vụ quán nước      | quán trà sữa Sencha Tea 248/5 p. Tân Mai | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 224 | Lương Cao Sang         | 04/04/2003 | 075203004733 | 36/4 tổ 13 kp 2             | nhân viên phục vụ      | quán trà sữa Sencha Tea 248/5 p. Tân Mai | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 225 | Phạm Đức Hòa           | 07/10/1993 | 362350568    | TT. 703/55 kp 2             | lạm bán kem            | tại nhà 703/55 tổ 13 kp 2 Tân Hiệp       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 226 | Dương Thị Phương Trang | 20/08/1968 | 021961299    | TT. nhà không số tổ 13 kp 2 | giúp việc nhà theo giờ | khu vực tổ 13 kp 2 Tam Hiệp              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 227 | Nguyễn Ngọc Hương      | 14/02/1965 | 280358427    | 703/65/19/10 tổ 3 kp 2      | thợ may gia đình       | 703/65/19/10 tổ 3 kp 2 Tam Hiệp          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 228 | Phạm Văn Đạt           | 18/06/1993 | 031092011118 | nhà không số tổ 10 kp 2     | chạy xe ôm             | khu vực p. Tân Hiệp                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 229 | Trần Văn Trung         | 13/07/1997 | 113741867    | TT. nhà không số tổ 10 kp 2 | chạy xe ôm             | khu vực thành phố Biên Hòa               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 230 | Nguyễn Văn Kinh        | 04/06/1954 | 270046465    | nhà không số tổ 10 kp 2     | chạy xe ôm             | khu vực thành phố Biên Hòa               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 231 | Trần Ngọc Hải          | 01/01/1970 | 270962009    | 125/5 kp 2                  | phụ hồ                 | khu vực thành phố Biên Hòa               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                      |             |              |                             |                       |                                        |            |   |           |  |  |
|-----|----------------------|-------------|--------------|-----------------------------|-----------------------|----------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 232 | Hàn Sỹ Kiều          | 01/01/1950  | 270727818    | TT.271/27 tổ 6 kp 3         | phụ hồ                | Khu vực Biên Hòa                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 233 | Trần Thị Hồng        | 13/1/1991   | 272055260    | TT. nhà không số tổ 9 kp 2  | bán cơm               | 135 p. kp 4 Trung Dũng                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 234 | Trần Ngọc Thanh Nam  | 20/01/2002  | 272921017    | TT. Nhà không số tổ 9 kp 2  | thợ cơ khí            | tổ 9 kp 2 Tam Hiệp                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 235 | Lương Minh Hùng      | 21/06/1991  | 272222329    | nhà không số tổ 9 kp 2      | bán cơm               | 135 kp 4 p. Trung Dũng                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 236 | Phạm Văn Duy         | 15/07/1994  | 212413223    | TT. nhà không số tổ 10 kp 2 | thợ sửa chữa kết nước | 763 kp 2 Tam Hiệp                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 237 | Hồ Phi Long          | 1993        | 352296473    | TT. 703/70 kp 2             | thợ hồ                | khu vực thành phố Biên Hòa             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 238 | Nguyễn Văn Dầy       | 06/06/2002  | 352591682    | TT. 703/70 kp 2             | thợ hồ                | khu vực thành phố Biên Hòa             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 239 | Huỳnh Ngọc Bay       | 1982        | 364006749    | TT. nhà không số tổ 10 kp 2 | phụ hồ                | khu vực thành phố Biên Hòa             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 240 | Hoàng Trúc Phương    | 27/09/2000  | 272783260    | nhà không số tổ 6 kp 2      | phụ bán café          | Mỹ huy coffee tổ 10A2 p. An Bình       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 241 | Nguyễn Thị Thu Hương | 1970        | 331178342    | nhà không số tổ 8 kp 2      | thợ may gia đình      | tổ 8 kp 2 Tam Hiệp                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 242 | Ngô Hoàng Vũ         | 1979        | 381071076    | TT. 57/6 tổ 3 kp 3          | chạy xe ôm            | khu vực thành phố Biên Hòa             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 243 | Nguyễn Thị Thu Huyền | 28/1/1968   | 270727391    | 703/97/5 kp 2               | phụ nấu ăn            | trường Mầm Non Tân Mai p. Tân Mai      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 244 | Trần Minh Sang       | 12/10/ 1984 | 023718209    | TT. 218/22 tổ 12 kp 2       | sửa chữa điện         | tại nhà 218/22 tổ 12 kp2 Tam Hiệp      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 245 | Phạm Văn Minh        | 19/05/1975  | 151848792    | TT. Nhà không số tổ 9 kp 2  | bốc vác               | tổ 31 p. Long Bình Tân                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 246 | Nguyễn Thị Huệ       | 03/01/1965  | 075165001370 | 703/65/4 tổ 10 kp 2         | gia công làm bánh     | tại nhà 102/11 kp 2 Tam Hiệp           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 247 | Trần Thanh Tâm       | 1985        | 271730765    | 27/3 tổ 3 kp 2              | phụ hồ                | khu vực thành phố Biên Hòa             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 248 | Nguyễn Thị Minh Tâm  | 24/01/1981  | 271400277    | 703/16/13 tổ 5 kp 2         | bán xôi rong          | ven đường Phạm Văn Thuận kp 9 Tam Hiệp | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                     |            |           |                             |                          |                                                |            |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------------|-----------|-----------------------------|--------------------------|------------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 249 | Nguyễn Thị Mỹ Nhung | 15/02/1961 | 270107451 | 40/5 kp 2                   | bán nước mía             | kp 2 p. Tam Hiệp                               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 250 | Hoàng Đình Sáu      | 29/06/1981 | 272816461 | nhà không số tổ 13 kp 2     | bốc vác                  | 13/9 kp Hiệp Thắng, Dĩ An Bình Dương           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 251 | Phạm Công Bình      | 09/09/1983 | 271705692 | nhà không số tổ 6 kp 2      | chạy xe 2 bánh công nghệ | khu vực thành phố Biên Hòa                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 252 | Lê Văn Bảy          | 07/09/1981 | 272937065 | nhà không số tổ 9 kp 2      | thợ hồ                   | khu vực thành phố Biên Hòa                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 253 | Nguyễn Việt Hạnh    | 1970       | 272661782 | nhà không số tổ 9 kp2       | thợ hồ                   | khu vực thành phố Biên Hòa                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 254 | Huyền Ngọc Ngọc     | 09/02/2003 | 364197418 | TT. nhà không số tổ 10 kp 2 | thợ hồ                   | khu vực thành phố Biên Hòa                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 255 | Phạm Thị Thu Thạch  | 01/09/1990 | 272269961 | nhà không số tổ 3 kp 2      | phụ bếp ăn               | Trường Mầm Non Hoa Mai 24/17A kp 6 Tam Hiệp    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 256 | Bùi Văn Trường      | 27/03/1972 | 34065929  | TT. nhà không số tổ 8 kp 2  | Tập vụ (không có HDLD)   | 715 Kp5 nhà hàng Long Phụng Cầu Tương Tam Hiệp | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 257 | Trần Văn Đào        | 1948       | 271599071 | nhà không số tổ 3 kp 2      | thợ xây                  | Khu vực biên hòa                               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 258 | Đào Quang Thanh     | 25/07/1972 | 271119597 | nhà không số tổ 8 kp 2      | thợ hồ                   | khu vực thành phố Biên Hòa                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 259 | Nguyễn Quang Vinh   | 16/04/1982 | 271517709 | nhà không số tổ 8 kp2       | thợ hồ                   | khu vực thành phố Biên Hòa                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 260 | Nguyễn Thụy Long    | 23/03/1975 | 271240618 | nhà không số tổ 8 kp 2      | thợ hồ                   | khu vực thành phố Biên Hòa                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 261 | Nguyễn Đức Bình     | 23/03/1980 | 271356793 | nhà không số tổ 8 kp 2      | thợ hồ                   | khu vực thành phố Biên Hòa                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 262 | Đinh Trọng Nghĩa    | 25/04/1997 | 272642677 | TT. nhà không số tổ 9 kp 2  | chạy xe ba bánh          | khu vực p. Tam Hiệp                            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 263 | Trần Thị Lý         | 1986       | 221304841 | TT. nhà không số tổ 13 kp 2 | thu gom rác, phế liệu    | khu vực kp 4 p. Tân Hiệp                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 264 | Trần Thị Mộng Thủy  | 04/05/1976 | 271160483 | TT. Nhà không số tổ 10 kp 2 | bán rau củ quả trong     | khu vực kp 2 Tam Hiệp                          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 265 | Nguyễn Ngọc Bộ      | 05/03/1956 | 270107446 | 224/22 tổ 11 kp 2           | thợ hồ                   | Khu vực thành phố Biên Hòa                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                         |            |           |                           |                                 |                                                 |            |   |           |  |  |
|-----|-------------------------|------------|-----------|---------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 266 | Nguyễn Chi Khang        | 25/10/1979 | 271356495 | 228/23 kp 2               | Thư điện cơ                     | 16A/40 KP8 P. Hồ Nai                            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 267 | Nguyễn Văn Sang         | 05/06/1981 | 197097899 | TT tổ 11 kp 2             | thư hồ                          | Khu vực thành phố Biên Hòa                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 268 | Lê Xuân Phú             | 14/03/1995 | 272365551 | TT.295/30B tổ 11 kp 2     | tài xế xe tải nhẹ chở hàng thuê | trại cá giống Tam Hiệp kp 2                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 269 | Nguyễn Thị Loan         | 03/06/1972 | 272369955 | 236/23 kp 2               | thợ may gia đình                | tổ 7 kp 1 p. Long Bình                          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 270 | Nguyễn Văn Hùng         | 21/01/1959 | 270000226 | 531/64/11 kp 2            | thợ hồ                          | Khu vực thành phố Biên Hòa                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 271 | Nguyễn Thế Đạt          | 11/12/1972 | 270985910 | 531/58/10/6 tổ 11 kp 2    | thợ hồ                          | Khu vực thành phố Biên Hòa                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 272 | Nguyễn Minh Tú          | 10/09/1992 | 272326253 | 631/23 kp 2               | thợ xây                         | Khu vực thành phố Biên Hòa                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 273 | Nguyễn Duy Tân          | 01/07/1993 | 272266674 | 631/66 kp 2               | phụ hồ                          | Khu vực thành phố Biên Hòa                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 274 | Nguyễn Đức Thịnh        | 11/01/1985 | 271732266 | 631/64 tổ 11 kp 2         | thợ xây                         | Khu vực thành phố Biên Hòa                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 275 | Vũ Duy Ngọc             | 20/02/1991 | 272184518 | 631/69 kp 2               | thợ hồ                          | Khu vực thành phố Biên Hòa                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 276 | Ngô Thị Ngọc Bích       | 29/03/1990 | 026022034 | TT.631/58 tổ 11 kp 2      | thợ may gia đình                | 202/38 kp 1 Tam Hiệp                            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 277 | Huyền Thị Tuyết Nhung   | 05/05/1974 | 271484451 | 631/8 tổ 2 kp 2           | lạm bánh tại nhà                | 631/8 tổ 2 kp 2 Tam Hiệp                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 278 | Trần Thanh Phong        | 21/12/1971 | 270872498 | 629/3/5 kp 2              | thợ xây                         | Khu vực thành phố Biên Hòa                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 279 | Thái Tấn Trung          | 20/05/1991 | 241279290 | TT.511 kp 2               | bán cơm                         | tại nhà 511 kp 2 Tam Hiệp                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 280 | Phạm Nguyễn Nguyễn Bình | 05/12/1997 | 272677171 | 48/5 kp 2                 | bán cà phê mang đi              | 95/81/2 kp 8 p. Tân Phong                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 281 | Nguyễn Văn Trí          | 29/03/1976 | 182340860 | TT. 531/25/13/4 tổ 6 kp 2 | phụ hồ                          | Khu vực thành phố Biên Hòa                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 282 | Lê Thị Bích Thủy        | 18/12/1957 | 270107709 | 338/33 kp 2               | tạp vụ (không có HDLE)          | nhà nghỉ Quỳnh Nga đường Trương Định p. Tân Mai | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                      |            |           |                           |                                  |                                                |            |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|-----------|---------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 283 | Ngô Mía Tiên         | 30/10/1984 | 271572075 | TT.243/245 tổ 7 kp 2      | thợ điện cơ                      | 243/245 tổ 7 kp 2 Tam Hiệp                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 284 | Dương Minh Hoàng     | 26/07/1986 | 225315229 | TT.53/44 kp 2             | tài xế xe tải chở hàng thuê      | Khu dân cư Long Châu 2/23 kp 6 Tam Hiệp        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 285 | Quách Mỹ Diễm Châu   | 1964       | 272885672 | nhà không số tổ 3 kp 2    | chạy xe ôm                       | khu vực p. Tam Hiệp                            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 286 | Trần Thị Thu Tâm     | 22/11/1964 | 270951346 | 260/26 tổ 7 kp 2          | rửa chén thuê                    | quán Long Triền 260/25 tổ 7 kp 2 Tam Hiệp      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 287 | Thái Ngọc Kim Phương | 23/10/1969 | 271076187 | 87/9 kp 2                 | bàn quần áo rong                 | ven đường Phạm Văn Thuận khu vực kp 2 Tam Hiệp | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 288 | Nguyễn Hùng Lân      | 07/07/1958 | 270640783 | 567/28 kp 2               | thợ hồ                           | khu vực thành phố Biên Hòa                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 289 | Nguyễn Thanh Vĩ      | 1953       | 270727317 | 183/18 kp 2               | lạm hồ                           | khu vực thành phố Biên Hòa                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 290 | Phạm Sỹ Toàn         | 02/04/1956 | 270909934 | 531/72 tổ 7 kp 2          | tài xế xe tải chở hàng thuê      | 610 Nguyễn Anh Thư Q. 12 TP.HCM                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 291 | Phạm Anh Đức         | 20/01/2001 | 272857164 | 228#23 tổ 7 kp 2          | phục vụ quán                     | lầu BBQ đường Võ Thị Sáu p. Thống Nhất         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 292 | Trần Minh Ngọc       | 30/06/1982 | 271471238 | 531/80/14/3 kp 2          | thợ hồ                           | khu vực p. Tam Hiệp                            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 293 | Hồ Văn Hòa           | 01/01/1961 | 272326277 | 259/25c kp 2              | bóc vác                          | khu vực chợ Tam Hòa                            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 294 | Bùi Tấn Bửu          | 04/06/1959 | 205278705 | TT.nhà không số tổ 9 kp 2 | phụ hồ                           | khu vực thành phố Biên Hòa                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 295 | Trần Thị Bình        | 1963       | 270286001 | nhà không số tổ 9 kp 2    | giúp việc nhà                    | 94/4 kp 6 p. Tân Mai                           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 296 | Võ Minh Hiếu         | 29/09/1977 | 272709179 | 243/24 kp 2 tổ 7          | bóc vác hàng                     | khu vực Tam Hiệp                               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 297 | Phan Văn Bình        | 13/05/1959 | 270425282 | nhà không số tổ 10 kp 2   | xe ôm                            | khu vực p. Tam Hiệp                            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 298 | Trần Thành Hợp       | 28/06/1993 | 272266373 | 703/26/2 tổ 9 kp 2        | chạy xe công nghệ 2 bánh         | khu vực thành phố Biên Hòa                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 299 | Bùi Công Hạnh        | 20/08/1967 | 270720593 | 703/59/1 tổ 13 kp 2       | bán đồ ăn sáng mì xào, bánh cuốn | cổng trường tiểu học Tam Hiệp A kp 5 Tam Hiệp  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                          |            |              |                            |                   |                                                   |            |   |           |  |  |
|-----|--------------------------|------------|--------------|----------------------------|-------------------|---------------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 300 | Lương Thanh Việt         | 30/10/1981 | 271416571    | 49/6a kp 2                 | phụ hồ            | Khu vực thành phố Biên Hòa                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 301 | Nguyễn Hữu Lợi           | 01/01/1980 | 311612792    | TT.27/3 kp 2               | phụ hồ            | Khu vực thành phố Biên Hòa                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 302 | Bùi Gia Huy              | 12/11/2003 | 075203002678 | 703/6/4a kp 2              | nhân viên phục vụ | Máy Coffee&Beer Đồng Khởi<br>p. Thống Nhất        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 303 | Đinh Vương Quốc Bảo      | 22/04/1998 | 272642676    | TT. Nhà không số tổ 9 kp 2 | chạy xe ba gác    | Khu vực p. Tân Hiệp                               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 304 | Võ Thị Thu Hồng          | 01/01/1983 | 271517546    | 52b/6 kp 2                 | giúp việc nhà     | K 42/3d ấp Tân Bình p. Bửu<br>Hòa                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 305 | Nguyễn Thị Minh Liên     | 09/02/1969 | 270949944    | 595/36 tổ 4 kp 2           | giúp việc nhà     | 115 kp 6 Tân Hiệp                                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 306 | Nguyễn Văn Hùng          | 15/09/1967 | 270727348    | 595/36 tổ 4 kp 2           | phụ hồ            | Khu vực thành phố Biên Hòa                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 307 | Nguyễn Thị Mỹ Liên       | 12/08/1978 | 271919591    | 567/10/1/1 kp 2            | thợ may gia đình  | 567/10/1/1 kp 2 Tân Hiệp                          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 308 | Vũ Đình Thụy Hương       | 20/08/1983 | 271517780    | 165/17 tổ 4 kp 2           | thợ may gia đình  | 165/17 tổ 4 kp 2 Tân Hiệp                         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 309 | Đỗ Thị Xuân Thảo         | 18/10/1979 | 271391388    | 567/4 kp 2                 | phụ quán ăn       | quán Chián 526/3 kp 9 Tân<br>Hiệp                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 310 | Phạm Vũ Anh Thùy         | 19/06/1984 | 271724379    | 130/13 tổ 4 kp 2           | phụ bán bún       | hẻm 595 Phạm Văn Thuận<br>Kp 2 Tân Hiệp           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 311 | Phạm Thị Mai Liên        | 10/11/1954 | 270000989    | 128/13 kp 2                | thợ may gia đình  | 128/13 kp 2 Tân Hiệp                              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 312 | Nguyễn Lê Châu Giang     | 11/09/1996 | 272530026    | TT.567/25 tổ 5 kp 2        | Thợ uốn tóc       | tại nhà 567/25 tổ 5 kp 2 Tân<br>Hiệp              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 313 | Vũ Đức Bình              | 21/01/1957 | 270048752    | 576/18 tổ 4 kp 2           | phụ quán phở      | 567/18 kp 2 Tân Hiệp                              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 314 | Trần Thị Kim Loan        | 24/06/1961 | 270107560    | 567/14 tổ 4 kp 2           | Phụ làm nail      | tiệm Nail Fashion 567/14 kp<br>2 Tân Hiệp         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 315 | Phạm Vũ Hạnh Nguyễn      | 19/08/2002 | 272883821    | 567/10/1 kp 2              | làm Nail          | M3/3 kp 5 p. Tân Phong                            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 316 | Hoàng Nguyễn Thanh Quỳnh | 21/04/1986 | 271737254    | 206/21 kp 2                | bán quần áo rong  | ven đường Phạm Văn Thuận<br>Khu vực kp 2 Tân Hiệp | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                     |            |              |                         |                                         |                                                   |            |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------------|--------------|-------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 317 | Lê Thị Kim Danh     | 20/05/1969 | 075169001533 | 191/19 kp 2             | bán mì xào bún thịt<br>mường            | 191/19 kp 2 Tam Hiệp                              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 318 | Bồ Thị Tâm          | 10/10/1993 | 096193000295 | TT. 83b kp 2            | bán bánh thuê                           | kp 3 p. Bình Đa                                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 319 | Dương Thị Xuân Anh  | 07/05/1994 | 272404907    | 531/5812A tổ 11 kp 2    | Thợ uốn tóc                             | 215d tổ 12 kp 2 Tam Hiệp                          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 320 | Bùi Thị Ngọc Mỹ     | 01/12/1974 | 321529534    | 217/22 kp 2             | chạy xe ôm                              | khu vực thành phố Biên Hòa                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 321 | Nguyễn Xuân Phong   | 01/05/1972 | 271501736    | 531/85/31 tổ 7 kp 2     | bóc vác                                 | khu vực Tam Hiệp                                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 322 | Phạm Văn Chí        | 01/01/1972 | 270134647    | 703/107 tổ 10 kp 2      | phủ hồ                                  | khu vực Tam Hiệp                                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 323 | Tổng Thanh Tào      | 10/10/1972 | 271143536    | 178/18 kp 2             | chạy xe ba bánh, vận<br>chuyển hàng hóa | khu vực p. Tam Hiệp                               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 324 | Tổng Minh Triều     | 26/03/1997 | 272642770    | 178/18 kp 2             | bán chả cá rong                         | ven đường Phạm Văn Thuận<br>khu vực kp 2 Tam Hiệp | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 325 | Nguyễn Hữu Bảo Anh  | 20/01/1982 | 271517758    | nhà không số tổ 13 kp 2 | bán bánh mì rong                        | ven đường Phạm Văn Thuận<br>kp 2 Tam Hiệp         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 326 | Nguyễn Thị Huyền    | 22/03/1966 | 075166001140 | 296/29 kp 2             | giúp việc nhà theo giờ                  | khu vực p. Tam Hiệp                               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 327 | Lâm Ngọc Kim Tiên   | 20/11/1995 | 272407817    | TT. 531/44 kp 2         | lạm Nail                                | 531/44 tổ 12 kp 2 Tam Hiệp                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 328 | Ngô Thị Thanh Vân   | 1976       | 271159865    | 703/16/25 kp 2          | bán Cà pháo                             | khu vực kp 2 Tam Hiệp                             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 329 | Trương Hoàng Nô     | 21/09/1968 | 271849791    | 24B/3 tổ 8 kp 2         | thợ xây                                 | khu vực thành phố Biên Hòa                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 330 | Nguyễn Thị Kim Dung | 07/09/1960 | 270107114    | 703/16/14 tổ 8 kp 2     | sửa quần áo tại nhà                     | 703/16/14 tổ 8 kp 2 Tam<br>Hiệp                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 331 | Huỳnh Thuộc Anh     | 30/12/1966 | 270746999    | 125/13 tổ 2 kp 2        | bán nước giải khát                      | 152/13 tổ 2 kp 2 Tam Hiệp                         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 332 | Phạm Hữu Thuận      | 28/12/1979 | 331262406    | TT.362/35 tổ 12 kp 2    | thợ hồ                                  | khu vực thành phố Biên Hòa                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 333 | Lê Thị Thắm         | 20/10/1986 | 331481816    | TT. 362/35 TỎ 12 KP 2   | giúp việc nhà theo giờ                  | khu vực p. Tam Hiệp                               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                   |            |              |                  |                          |                                                 |            |   |           |  |  |
|-----|-------------------|------------|--------------|------------------|--------------------------|-------------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 334 | Nguyễn Thanh Hải  | 17/10/1980 | 271356530    | 42/5 tổ 3 kp 2   | phu hồ                   | Khu vực thành phố Biên Hòa                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 333 | Trần Huỳnh Anh    | 1965       | 270661098    | 44/3 tổ 3 kp 2   | phu hồ                   | Khu vực thành phố Biên Hòa                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 336 | Lê Văn Hùng       | 1975       | 271241197    | 295/29 tổ 6 kp 2 | chạy xe ba gác chợ hàng  | Khu vực thành phố Biên Hòa                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 337 | Lê Minh Phụng     | 1994       | 272436068    | 531/25/8/22 kp 2 | chạy xe ba gác, chủ hàng | Khu vực thành phố Biên Hòa                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 338 | Nguyễn Hữu Bá     | 20/05/1983 | 276003472    | 296/295 kp 2     | Thợ hồ                   | Khu vực thị trấn Củ Chi Thành Phố HCM           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 339 | Lê Thị Tuyết      | 20/02/1974 | 271362164    | 531/72 kp 2      | bán trái cây rong        | ven đường Phạm Văn Thuận, Tam Hiệp              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 340 | Nguyễn Văn Thao   | 03/12/1961 | 270108314    | 248/24 tổ 7 kp 2 | thợ hàn                  | 248/24 tổ 7 kp 2 Tam Hiệp                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 341 | Nguyễn Thị Thuý   | 15/09/1976 | 272112528    | 228&23 tổ 7 kp 2 | giúp việc nhà            | cơ sở Trung Thành KP 3 p Tam Hòa                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 342 | Ngô Thị Kim Hương | 09/08/1963 | 075163000828 | 451/13 kp 3      | thợ may tại nhà          | 451/13 kp 3 Tam Hiệp                            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 343 | Nguyễn Hoàng Vũ   | 26/01/1997 | 272642900    | 652/4 tổ 4 kp 3  | bán bánh ngọt            | tại nhà 652/4 kp 3 Tam Hiệp                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 344 | Nguyễn Minh Tuấn  | 19/05/1982 | 272489104    | TT.388 kp 3      | Thu gom rác, phế liệu    | B12 tổ 6 kp 1 p. Bùn Long                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 345 | Phạm Thị Tuyết    | 22/06/1957 | 280964185    | TT.388 kp 3      | thợ may gia đình         | 388 kp 3 Tam Hiệp                               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 346 | Phạm Thị Kim Phúc | 30/11/1961 | 270108265    | 440kp 3          | thợ may gia đình         | 440 kp 3 Tam Hiệp                               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 347 | Cần Minh Hiếu     | 20/09/1997 | 272579097    | 440 kp 3         | thợ sửa điện cơ          | cửa hàng điện Kim Bảo 9/A3 đường KDC P. An Bình | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 348 | Đinh Công Thành   | 21/09/1997 | 272648751    | 127b kp 3        | phục vụ quán ăn          | quán cháo gà Qung Trung kp 2 p. Tam Hiệp        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 349 | Nguyễn Đăng Quyền | 20/12/1984 | 191512817    | TT.402/10 kp 3   | Thợ cắt tóc              | tại nhà 402/10 kp 3 Tam Hiệp                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 350 | Bùi Văn Định      | 27/10/1962 | 270112754    | 86/1 kp 3        | thợ may gia đình         | 86/1 kp 3 Tam Hiệp                              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                      |            |              |                         |                          |                                                      |            |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|--------------|-------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 351 | Trần Văn Vinh        | 03/05/1989 | 162881912    | TT.426 kp 3             | thợ may, sửa quần áo     | tại nhà 426 kp 3 Tam Hiệp                            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 352 | Phạm Thị Minh Lương  | 02/10/1992 | 272112183    | TT.388 kp 3             | làn nail, trang điểm     | tại nhà 388 kp 3 Tam Hiệp                            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 353 | Nguyễn Bảo Trân      | 13/05/1981 | 271471442    | 402/15 kp 3             | thợ may gia đình         | 402/15 kp 3 Tam Hiệp                                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 354 | Huyền Cao Hân Thành  | 01/01/1975 | 271356720    | 950/6b kp 3             | thợ may gia đình         | tại nhà 950/6b kp 3 Tam Hiệp                         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 355 | Trần Trung Kỳ        | 30/03/1974 | 271240578    | 633/4 kp 3              | chạy xe ôm               | khu vực thành phố Biên Hòa                           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 356 | Nguyễn Công Trí      | 16/07/1974 | 271250371    | 467/1 kp 3              | chạy xe ôm               | khu vực ngã ba Tam Hiệp P. Tam Hòa                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 357 | Nguyễn Thị Cẩm Hồng  | 10/10/1979 | 075179001431 | 906b/6 tổ 12 kp3        | bán rau củ quả dạo       | khu vực P. Long Bình                                 | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 358 | Bùi Thị Minh yến     | 10/01/1984 | 271609577    | 402/9/23 kp 3           | máy áo dài               | tại nhà 402/9/23 kp 3 Tam Hiệp                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 359 | Mai Thị Duyên        | 12/07/1961 | 270108264    | 118/1 kp 3              | thợ may gia đình         | 118/1 kp3 Tam Hiệp                                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 360 | Nguyễn Đức Hiệu      | 24/02/1988 | 272050067    | 875/3 kp 3              | thợ sửa máy lạnh         | tại nhà 875/3 kp 3 Tam Hiệp                          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 361 | Nguyễn Đức Thuận     | 02/12/1980 | 271471277    | 870 tổ 10 kp3           | chạy xe công nghệ 2 bánh | khu vực thành phố Biên Hòa                           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 362 | Huyền Tấn Hải        | 19/08/1984 | 271711254    | 649/4 kp 3              | sửa xe gắn máy           | tại nhà 649/4 kp 3 Tam Hiệp                          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 363 | Thái Văn Dũng        | 06/07/1985 | 290451021    | nhà không số tổ 11 kp 3 | khoan giếng              | khu vực thành phố Biên Hòa                           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 364 | Bùi Thế Trọng        | 12/10/1980 | 271416658    | 934/6 kp 3              | thợ xây                  | khu vực thành phố Biên Hòa                           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 365 | Nguyễn Huỳnh Yên Nhi | 07/02/1988 | 271881737    | 909/6 kp 3              | nhân viên pha chế        | quán cafe sương mai kp 2 P. Bùn Long                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 366 | Đoàn Thị Trinh Nữ    | 16/01/1970 | 272098768    | 451/21 tổ 11 kp 3       | thợ may gia đình         | 451/21 tổ 11 kp3 Tam Hiệp                            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 367 | Nguyễn Thanh Tài     | 24/09/2001 | 077201004318 | TT.909/6 kp 3           | nhân viên pha chế        | Giang Cha Biên Hòa K90 đường D10 kp 7, P. Thống Nhất | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                       |            |              |                      |                                         |                                 |            |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|--------------|----------------------|-----------------------------------------|---------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 368 | Mai Nguyễn Vĩnh An    | 15/09/1985 | 023870217    | TT 934/6 tổ 11 kp 3  | xe ôm                                   | Khu vực Tam Hiệp                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 369 | Nguyễn Nữ Phương Anh  | 20/08/1988 | 272655993    | 932/6 kp 3           | làn nui, trang diện                     | tại nhà 932/6 kp 3 Tam Hiệp     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 370 | Đương Văn Dân         | 15/12/1982 | 272849550    | 917/6b kp 3          | lãi xe tải chợ hàng thuê                | tổ 10 kp 12 p. An Bình          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 371 | Phan Xuân             | 07/01/1961 | 045061000428 | 451/22/20 tổ 11 kp 3 | chạy xe ôm                              | Khu vực p. Tam Hòa              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 372 | Nguyễn Thị Lệ         | 25/04/1962 | 270108369    | 917/6 kp 3           | bán vé số                               | Khu vực p. Tam Hiệp             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 373 | Nguyễn Thị Nguyệt     | 25/08/1952 | 270108158    | 917/6 kp 3           | bán vé số                               | Khu vực Tam Hiệp                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 374 | Hứa Văn Xoài          | 01/01/1956 | 271940143    | 913/6 kp 3           | Phụ làm bánh mì                         | tại nhà 913/6 kp 3 Tam Hiệp     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 375 | Hứa Văn Tuấn          | 28/10/1991 | 272118197    | 913/6 kp 3           | bốc vác                                 | Khu vực phường Tam Hiệp         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 376 | Hứa Hoàng Phương Linh | 09/09/1993 | 075193014431 | TT 947c kp 3         | còi điện kinh doanh<br>trò chơi điện tử | 48/1 kp Nhứt Hòa p. Hiệp<br>Hòa | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 377 | Phạm Thị Kim Đức      | 28/04/1975 | 271143526    | 947c/6 kp 3          | thợ may gia đình                        | tại nhà 947c/6 kp 3 Tam Hiệp    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 378 | Tổng Thị Lương        | 09/08/1949 | 075149000145 | 399/16/18 tổ 11 kp 3 | giúp việc nhà                           | c2 tổ 29b kp 3 p. Bình Đa       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 379 | Nguyễn Văn Hồng       | 03/02/1972 | 075072001512 | 943/6b kp 3          | thợ hồ                                  | Khu vực thành phố Biên Hòa      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 380 | Nguyễn Ngọc Ân        | 02/06/1964 | 350672973    | TT 822/6 kp 3        | bán trong trái cây                      | Khu vực phường Tân Phong        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 381 | Nguyễn Thị Cẩm Nhung  | 16/08/2000 | 075300002068 | 934/6 kp 3           | Làn Nail                                | tại nhà 934 kp 3 Tam Hiệp       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 382 | Đông Quốc Hưng        | 16/09/1992 | 272272034    | 934/6 kp 3           | phụ hồ                                  | Khu vực Biên Hòa                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 383 | Đông Quốc Hải         | 05/07/1990 | 272139828    | 934/6 kp 3           | sửa chữa điện cơ                        | tại nhà 934/6 kp 3 Tam Hiệp     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 384 | Đông Quốc Tuấn        | 02/03/1961 | 270249364    | 934/6 kp 3           | xe ôm                                   | Khu vực thành phố Biên Hòa      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                     |            |              |                     |                      |                                    |            |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------------|--------------|---------------------|----------------------|------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 385 | Thân Thân Bằng      | 28/04/1990 | 272122524    | 936/6 kp 3          | xe ôm                | Khu vực thành phố Biên Hòa         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 386 | Nguyễn Văn Hải      | 1974       | 271240568    | 399/16/18 kp 3      | phụ hồ               | Khu vực thành phố Biên Hòa         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 387 | Danh Đức Tài        | 11/04/1995 | 272417570    | 399/16/2 kp 3       | phụ hồ               | Khu vực thành phố Biên Hòa         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 388 | Nguyễn Thanh An     | 09/05/1995 | 272499169    | 938/6 kp 3          | phụ hồ               | Khu vực thành phố Biên Hòa         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 389 | Nguyễn Thị Mai      | 06/11/1955 | 270951392    | 943A kp 3           | thư máy gia đình     | 943A kp 3 Tam Hiệp                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 390 | Phạm Thảo Nguyễn    | 12/11/1996 | 025473494    | TT.402/11/16 kp3    | Thư cái tốc          | 402/11/16 kp 3 Tam Hiệp            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 391 | Nguyễn Khắc Huy     | 14/09/1982 | 271471182    | 354/17/45 tổ 3 kp 3 | thư sửa chữa điện tử | 354/17/45 tổ 3 KP3 Tam Hiệp        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 392 | Nguyễn Thị Mỹ Tuyên | 1984       | 341199945    | 399 kp 3            | bản bìa riêu         | cổng nhà thư Bùi Vĩnh KP4 Tam Hiệp | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 393 | Lê Vĩnh Khanh       | 19/06/1980 | 271356713    | 818/6 kp 3          | bản tranh ngót       | cổng nhà thư Bùi Vĩnh KP4 Tam Hiệp | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 394 | Bùi Anh Tú          | 06/02/1981 | 271416660    | 818/6 kp 3          | phụ hồ               | Khu vực Biên Hòa                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 395 | Nguyễn Thị Triển    | 11/07/1964 | 270032632    | TT.820e/6 kp 3      | máy gia công         | 820e/6 kp 3 Tam Hiệp               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 396 | Lê Thị Thu Thủy     | 12/05/1969 | 270781036    | 823/6 kp 3          | máy gia công         | 823/6 kp 3 Tam Hiệp                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 397 | Trương Văn Tài      | 1964       | 164032503    | TT.822/6 kp 3       | phụ hồ               | Khu vực Tam Hiệp                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 398 | Phạm Phi            | 10/10/1979 | 272057216    | TT.822/6 tổ 9 kp 3  | phụ hồ               | Khu vực thành phố Biên Hòa         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 399 | Phạm Thị Huệ        | 04/03/1960 | 074160001213 | 639A/4 kp 3         | bản tranh mĩ         | 639A/4 kp3 Tam Hiệp                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 400 | Phạm Quốc Trung     | 19/06/1986 | 271730876    | 652/4 kp 3          | phụ hồ               | Khu vực thành phố Biên Hòa         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 401 | Trần Thị Tuyết Nga  | 15/11/1972 | 270985909    | 354/17/61 kp 3      | thư máy gia đình     | 354/17/61 kp 3 Tam Hiệp            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                        |            |              |                     |                           |                                           |            |   |           |  |  |
|-----|------------------------|------------|--------------|---------------------|---------------------------|-------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 402 | Phùng Thị Kim Vui      | 08/10/1962 | 270088722    | 818/E/6 tổ 9 kp 3   | bán bánh mì dạo           | khu vực p. Tam Hiệp                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 403 | Nguyễn Thanh Hùng      | 22/03/1995 | 272508306    | 818/D kp 3          | phụ hồ                    | khu vực thành phố Biên Hòa                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 404 | Nguyễn Ngọc Dương      | 20/09/1964 | 271484711    | 553/4 kp 3          | chạy xe ôm                | khu vực công viên p. Long Bình            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 405 | Đào Văn Dề             | 10/05/1963 | 272697211    | 451/63b kp 3        | bán trái cây rong         | khu vực p. An Bình                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 406 | Nguyễn Thuý Hoàng Oanh | 22/11/1992 | 272266579    | 102/1 kp 3          | phụ bán bún               | tại nhà 102/1 kp 3 Tam Hiệp               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 407 | Nguyễn Nhật Linh       | 30/03/1990 | 271981125    | 102/1 kp 3          | bán bún                   | tại nhà 102/1 kp 3 Tam Hiệp               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 408 | Nguyễn Thị Lợi         | 1965       | 276674781    | 938/6 kp 3          | bán trứng đào             | khu vực kp 3 p. Tam Hiệp                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 409 | Nguyễn Bá Tấn          | 28/06/1981 | 271416668    | 938/6 kp 3          | bán nước giải khát vỉa hè | lê đường Đinh ông Cự Kp 9 Tam Hiệp        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 410 | Mai Thị Ngọc Diễm      | 19/12/1972 | 271003770    | 481/18/2 tổ 12 kp 3 | giúp việc nhà             | 73D KP 2 P. Tam Hòa                       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 411 | Trần Thanh Phong       | 07/02/1970 | 270871492    | 399/16/4 kp 3       | sửa chữa điện cơ          | 399/16/4 kp 3 Tam Hiệp                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 412 | Phạm Thị Mộng Huyền    | 01/04/1981 | 075181002495 | 871/6 kp 3          | bán vé số                 | khu vực phường Tam Hiệp                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 413 | trần ngọc Phùng        | 28/2/1979  | 271356758    | 253/2-kp4           | hớt tóc                   | 253/2-kp4 Tam Hiệp                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 414 | nguyễn thủy dạ thảo    | 14/7/1977  | 271240842    | 494/3-kp4           | bán phở                   | 327/2-kp4 Tam Hiệp                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 415 | hoàng kim phương       | 17/9/1962  | 270088738    | 327/3-kp4           | bán chè, chè đậu          | cổng nhà thờ bùi vĩnh kp4 Tam Hiệp        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 416 | bùi thị linh           | 20/2/1969  | 270794983    | 360/3-kp4           | giúp việc nhà             | 149 tổ 4, kp8B, P tân biên                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 417 | kim ngọc phương anh    | 1/1/2000   | 272766773    | 360/3-kp4           | nhân viên phục vụ         | quán tương vyl, đường 518 kp2, P tân hiệp | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 418 | phùng thị thanh        | 2/9/1960   | 270088871    | 364/3-kp4           | bán bánh chuối chiên      | 364/3 -kp4                                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                      |            |              |                |                                                    |                                              |            |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|--------------|----------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 419 | hoàng minh thảo      | 29/7/1969  | 270781290    | 327/3-kp4      | tài xế xe tải chủ hàng thuê                        | 494 kp1, P tam hiệp cửa hàng gạch Phúc thịnh | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 420 | nguyễn thị hải yến   | 22/12/1978 | 271293710    | 243/2-kp4      | nhà xối bỏ nhà hàng                                | 243/2-kp4 Tam Hiệp                           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 421 | nguyễn thị ri        | 14/3/1961  | 272477762    | 784/5A-kp4     | dọn dẹp khách sạn                                  | 235/19, Dương tư Giang kp2, P tân tiến       | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 422 | nguyễn thị bích hồng | 21/1/1983  | 271594276    | 736/186-kp4    | lạm hoa tại nhà                                    | 736/186-kp4 Tam Hiệp                         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 423 | nguyễn hân minh      | 3/22/1952  | 036052006054 | 423a/3 kp4     | sửa chữa điện tử                                   | 423a/3 kp4 Tam Hiệp                          | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 424 | nguyễn hoàng oanh    | 5/7/1984   | 075184002436 | 354/16/59 kp4  | đẩy xe bán bánh kẹo gần khuat                      | lư 22 P long bình                            | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 425 | nguyễn thị hồng loan | 5/8/1988   | 271936231    | 701/5-kp4      | lạm tóc                                            | 7/6/1, kp10, P hồ nai                        | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 426 | nguyễn thị tùy       | 12/20/1981 | 083181001673 | 736/160 kp4    | phụ bán quần                                       | 174a/4 đường tương đình p. Tân Mai           | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 427 | vũ thị tổ quỳnh      | 28/10/1982 | 271517584    | 293/2-kp4      | lạm nail                                           | 293/2-kp4 Tam Hiệp                           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 428 | phạm thị ái          | 1/1/1956   | 272067573    | 519/3-kp4      | bán hủ tầu, bún bánh canh                          | kp1, P Tân mai                               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 429 | lê kim ngọc          | 2/12/1996  | 272611118    | ko số tổ 1 kp4 | lạm nail                                           | nhà ko số tổ 1-kp4 Tam Hiệp                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 430 | trần thanh bình      | 1/4/1987   | 271737296    | 355/3-kp4      | phụ quán trà sữa lư                                | 355/3-kp4, Tam Hiệp                          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 431 | lê tiến hùng         | 2/8/1990   | 186990890    | 352 kp4        | Thư chụp hình                                      | Minh Trang 352-kp4 Tam Hiệp                  | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 432 | trần xuân thiệp      | 26/4/1968  | 270783722    | 206/49-kp4     | lái xe dịch vụ gia đình(không ĐKKD) 16 chỗ, chủ xe | 206/49 -kp4 Tam Hiệp                         | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 433 | nguyễn quang Minh    | 8/1/1966   | 270727689    | 712/5-kp4      | lái xe cầu, chủ xe (không ĐKKD)                    | 712/5-kp4 Tam Hiệp                           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 434 | trần thị quỳnh       | 26/2/1997  | 272593136    | 476/3-kp4      | bán bánh cuốn, mì xào                              | 56/12, kp8, P long bình                      | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 435 | trần thế             | 14/7/1982  | 271730836    | 346/3-kp4      | bán vé số                                          | khu vực biển hòa                             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                       |            |             |             |                          |                                                      |            |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|-------------|-------------|--------------------------|------------------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 436 | nguyễn thị cảm        | 18/3/1958  | 270088793   | 375/3-kp4   | dan lat thuê             | 375/3kp4 Tam Hiệp                                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 437 | đào nguyên gia báo    | 28/12/1996 | 272536526   | 212/2-kp4   | nhân viên phục vụ        | cửa hàng tiện lợi AMPM                               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 438 | nguyễn văn côn        | 8/2/1966   | 270661390   | 318/2-kp4   | thợ hồ                   | P Tam Hiệp                                           | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 439 | kiến quốc báo         | 22/9/1991  | 272144637   | 218-kp4     | nhân viên phục vụ        | quán huan 199, kp2, P tân tiến, biên hòa             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 440 | nguyễn thị mây        | 2/4/1954   | 270088784   | 378/3-kp4   | bán bánh kẹo             | 378/3 kp4 Tam Hiệp                                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 441 | đoàn ngọc phù         | 7/4/1970   | 271105008   | 206/59-kp4  | phụ quán bánh xèo        | quán cô tần, P bình đa                               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 442 | mai thanh quang       | 5/1/1968   | 07506800590 | 511/3 kp4   | thợ sửa điện cơ          | ấp an hòa-hóa an-BH1                                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 443 | nguyễn dương lê hoàng | 12/10/2000 | 272921599   | 385/8/6-kp4 | tiếp viên                | manwah 1096, P tân mai                               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 444 | trần thị thu diễm     | 4/2/1984   | 271591935   | 701/5-kp4   | bán nước mía             | 94 tổ 11, kp1, p an bình                             | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 445 | ngô thị thủy          | 10/10/1962 | 270088846   | 347/3-kp4   | bán súp cua              | khu vực công bù vĩnh kp4 Tam Hiệp                    | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 446 | phạm mạnh hưng        | 25/12/1976 | 271240588   | 206/63-kp4  | lái xe tải chở hàng thuê | khu vực tam hiệp-biên hòa                            | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 447 | vũ thi huệ            | 2/5/1968   | 270726557   | 736/169-kp4 | giúp việc nhà            | tổ 52, kp4, P trảng dài                              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 448 | nguyễn văn tằm        | 1/3/1993   | 276036090   | 736/169-kp4 | thợ cơ khí xây dựng      | xưởng tư nhân đình nguyên tổ 2, kp2, P long bình tân | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 449 | nguyễn thị thủy vân   | 24/8/1970  | 270898585   | 736/170-kp4 | giúp việc nhà            | C22, tổ 14, kp5, P tam hiệp                          | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 450 | đặng thị ánh          | 25/5/1953  | 270088193   | 341-kp4     | bán rau củ quả           | độc đường phạm văn thuận, P tam hiệp                 | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 451 | nguyễn thị mộng điệp  | 10/10/1981 | 271480477   | 253/2-kp4   | bán bánh mì bò kho       | 253/2-kp4 Tam Hiệp                                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 452 | trần xuân tương       | 26/10/1989 | 272067099   | 734/5-kp4   | thợ sửa điện tử          | 734/5-kp4 Tam Hiệp                                   | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                     |            |           |                        |                                  |                                        |            |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------------|-----------|------------------------|----------------------------------|----------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 453 | Lâm Minh Phương     | 2/10/1967  | 271241385 | B11/5 Tờ 2 KP5         | Phụ hồ                           | Khu vực P.Tam Hiệp                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 454 | Lý Mạnh Dũng        | 9/12/1981  | 023521249 | 27/26/5 Tờ 2 KP5 (TT)  | Phụ hồ                           | Khu vực P.Tam Hiệp                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 455 | Phạm Thị Minh Tuyết | 6/3/1984   | 271724079 | 146/6 Tờ 3 KP5         | Lao động giúp việc gia đình      | 58/1 Tờ 5 KP2, P. An Bình              | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 456 | Hà Công Vinh        | 14/10/1965 | 270661525 | 128/46/60 Tờ 9 KP5     | Lái xe tư nhân thuê chở học sinh | 70/2/15 KP9, P.Tam Hiệp                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 457 | Lương Văn Hùng      | 1/8/1960   | 270056840 | 570/28/28 Tờ 11 KP5    | Bốc vác                          | Khu vực P.Tam Hiệp                     | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 458 | Nguyễn Hữu Chí      | 1968       | 270827358 | 128 Tờ 6 KP5           | Thợ điện                         | 128 Tờ 6 KP5, P.Tam Hiệp               | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 459 | Hòa Văn Hậu         | 28/7/1990  | 173289088 | B11/11 Tờ 2 KP5 (TT)   | Bốc vác                          | Cảng Thanh Phước, Tân Uyên, Bình Dương | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 460 | Đặng Cường Thịnh    | 19/10/1974 | 271241223 | 142/5 KP5              | Lái xe tải nhỏ chở hàng thuê     | Xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bomm           | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 461 | Vũ Trọng Tâm        | 17/03/1987 | 271743578 | 129/3B KP5             | Tài xế lái thuê chở học sinh     | Khu vực TP Biên Hòa                    | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 462 | Tạ Thị Thủy Trang   | 19/7/1973  | 271241237 | 128 Tờ 6 KP5           | Bán hàng nước cam, nước ngọt     | 128 Tờ 6 KP5 Tam Hiệp                  | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 463 | Lê Quốc Quý         | 1992       | 341655104 | 128/12 KP6 (TT)        | Xe ôm                            | Khu vực P.Tam Hiệp                     | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 464 | Võ Thị Chua         | 15/12/1992 | 341715837 | 128/12 KP6 (TT)        | Phục vụ Quán karaoke             | Karaoke Thủy Dương 883/6 kp3 Tam Hiệp  | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 465 | Trần Thị Tuyết Hằng | 17/11/1961 | 270105500 | 16/4 Tờ 12 KP5 (TT)    | Bán Xôi Gà                       | 46/8 Tờ 16 KP1, P.Tam Hòa              | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 466 | Hoàng Thị Bích Thảo | 25/8/1981  | 271517849 | 128/46/42 KP5          | Bán bún riêu                     | 128/46/42 KP5, P.Tam Hiệp              | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 467 | Thạch Vinh          | 8/11/1995  | 272398489 | Tờ 10 KP5              | Thợ hồ                           | Khu vực P.Tam Hiệp                     | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 468 | Danh Kim Nga        | 1960       | 370846083 | 124/HD Tờ 10, KP5 (TT) | Nhân viên tạp vụ                 | Rạp chiếu phim Vincom, P.Tam Tiến      | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 469 | Trần Quang Hào      | 28/02/1968 | 270709835 | B122/7C KP5            | Thợ xây                          | P.Tam Mai                              | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                    |            |              |                     |                                     |                                           |          |   |           |  |  |
|-----|--------------------|------------|--------------|---------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------|----------|---|-----------|--|--|
| 470 | VÀ THỂ HÙNG        | 3/4/1978   | 271263933    | Tổ 12 KP5           | Thợ hồ                              | Khu vực P.Tam Hiệp                        | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 471 | Danh Thảo          | 12/5/1984  | 27238918     | 570/41/2 Tổ 12 KP5  | Vận chuyển hàng hóa bằng xe ba bánh | Khu vực P.Tam Hiệp                        | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 472 | Đinh Thị Mai       | 10/8/1972  | 271105231    | Tổ 1 KP5            | Huấn luyện viên Yoga                | YOGA Khánh Hiệp - Tổ 7, KP3, P.Thống Nhất | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 473 | Nguyễn Văn Dũng    | 25/12/1964 | 270453337    | Tổ 12 KP5           | Thu gom rác, phế liệu               | Khu vực P.Tam Hiệp                        | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 474 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | 26/6/1983  | 271516368    | A23 Tổ 7 KP5        | Thợ làm tóc                         | KP7 P.Tam Hiệp                            | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 475 | Tắc Văn Huê        | 10/6/1971  | 272480808    | 570/27/11 Tổ 13 KP5 | Thợ hồ                              | Khu vực TP Biên Hòa                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 476 | Ngô Thị Sen        | 1/1/1957   | 270620294    | 15/2 KP5            | Bán xôi                             | 106 Lý Văn Sâm, KP5, P.Tam Hiệp           | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 477 | Huyền Như Phúc     | 7/6/1975   | 271826516    | Tổ 1 KP5            | Lái xe tải vận chuyển hàng hóa      | Xã Thiên Tân, huyện Vĩnh Cửu              | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 478 | Châu Công Sơn      | 26/7/1987  | 272270259    | 44 Tổ 10, KP5       | Thợ xây                             | Khu vực P.Tam Hiệp                        | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 479 | Châu Công Hùng     | 20/4/2000  | 272679716    | 44 Tổ 10, KP5       | Thợ cắt tóc                         | Salon Nguyễn Hùng, P.Tam Hiệp             | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 480 | Thạch Nam          | 10/1/1990  | 272178807    | Tổ 10 KP5           | Thợ hồ                              | Khu vực P.Tam Hiệp                        | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 481 | Nguyễn Thị Ôn      | 14/02/1954 | 270062479    | Tổ 10 KP5           | Nhân viên tạp vụ                    | Nhà hàng SUMO Vincom, P.Tam Hiệp          | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 482 | Nguyễn Thị Lan     | 5/8/1961   | 270271546    | 45 Tổ 10, KP5       | Phụ giúp việc nhà                   | A17 Nguyễn Bảo Đức, KP5, P.Tam Hiệp       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 483 | Nguyễn Văn Nghĩa   | 29/4/1962  | 270872729    | B14/5 Tổ 13 KP5     | Bếp vác                             | Cảng Đồng Nai                             | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 484 | Vũ Việt Vinh       | 13/3/1998  | 030198001546 | 12/1 KP5            | Thợ làm tóc                         | 12/1 KP5, P.Tam Hiệp                      | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 485 | Nguyễn Thị Kim Chi | 9/12/1969  | 270801440    | 570/79 KP5          | Phụ hồ                              | Khu vực P.Tam Hiệp                        | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 486 | Nguyễn Văn Nhà     | 29/6/1966  | 270661587    | 570/29 KP5          | Xe ôm                               | Khu vực P.Bình Đa                         | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                      |            |           |                     |                               |                                                           |          |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|-----------|---------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------|---|-----------|--|--|
| 487 | Phan Thanh Hưng      | 15/5/2003  | 272975194 | 570/55/5 KP5        | Dầu bếp                       | Quận Ông Tô Bình Đa -<br>Đường Võ Hồng Phò,<br>P. Bình Đa | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 488 | Nguyễn Thị Thuý Phúc | 11/10/1972 | 271058453 | D6 Tổ 14 KP5        | Bàn hàng ăn sáng<br>(bùn, mĩ) | Khu vực Trường TH Tam<br>Hiệp A                           | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 489 | Lâm Văn Niên         | 9/4/1968   | 381032357 | 570/27/1/1 KP5      | Bốc vác                       | Khu vực P. Tam Hiệp                                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 490 | Nguyễn Mạnh Đức      | 15/9/1951  | 272117257 | C21 Tổ 14 KP5       | Bàn cà phê, nước giải<br>khát | C21 Tổ 14 KP5, P. Tam Hiệp                                | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 491 | Nguyễn Thị Thu Hà    | 1966       | 270688275 | 600/8/12 Tổ 13 KP5  | Phụ hồ                        | Khu vực TP Biên Hòa                                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 492 | Trần Tú Nhi          | 1969       | 270791174 | 600/8/12 Tổ 13 KP5  | Phụ hồ                        | Khu vực TP Biên Hòa                                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 493 | Lê Thị Mít           | 1/2/1962   | 272844703 | 570/60/18 Tổ 11 KP5 | Bàn vẽ số đạo                 | Khu vực P. Tam Hiệp                                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 494 | Vũ Xuân Phùng        | 10/6/1984  | 272019800 | 570/28 Tổ 1 KP5     | Thợ hồ                        | Khu vực P. Tam Hiệp                                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 495 | Tương Hòa            | 1958       | 220441309 | 51A Tổ 12, KP5      | Phụ hồ                        | Khu vực P. Tam Hiệp                                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 496 | Nguyễn Danh Ngân     | 13/7/2000  | 272966914 | 124/4 Tổ 10 KP5     | Nhân viên phụ chế cả<br>phế   | Phân Work Shop - K1, K2,<br>Nguyễn Ái Quốc, P. Tân Tiến   | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 497 | Ngô Thanh Tú         | 10/2/1987  | 321237525 | 128/12 KP5 (TT)     | Thợ hồ                        | P. Long Bình                                              | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 498 | Nguyễn Thị Thanh Trà | 25/03/1985 | 225315592 | 145/3 Tổ 2 KP5 (TT) | bàn hàng Trưng gà, vịt        | 145/3 Tổ 2 KP5, P. Tam Hiệp                               | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 499 | Phạm Quang Tiến Tùng | 2/10/1988  | 363640021 | 584 Tổ 2 KP5 (TT)   | Phụ hồ                        | 584 Tổ 2 KP5, P. Tam Hiệp                                 | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 500 | Trần Thị Tuyết       | 4/1/1994   | 272303521 | B18/5D KP5          | Bàn hàng trái cây rong        | Khu vực TP Biên Hòa                                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 501 | Tương Thị Lành       | 20/07/1980 | 272099030 | 129/4 KP5           | Thợ làm tóc                   | 129/4 KP5, P. Tam Hiệp                                    | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 502 | Võ Hiến Pháp         | 25/04/1994 | 272489080 | B18/5D Tổ 13 KP5    | Phụ hồ                        | Khu vực TP Biên Hòa                                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 503 | Võ Đình Mỹ Anh       | 28/05/1978 | 272119441 | B18/5D Tổ 13 KP5    | Phụ hồ                        | Khu vực TP Biên Hòa                                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                     |            |           |                              |                                        |                                                          |          |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------------|-----------|------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------|---|-----------|--|--|
| 504 | Võ Nhật Anh         | 19/05/1985 | 272050345 | B18/SD Tở 13 KP5             | Bác vắc                                | Khu vực TP Biên Hòa                                      | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 505 | Nguyễn Đình Đạt     | 12/2/2001  | 184390758 | 145/2A KP5 (TT)              | Phụ quán cơm (trồng xe)                | 145/2A KP5, P.Tam Hiệp                                   | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 506 | Vương Thị Kiều Oanh | 30/04/1987 | 271789990 | 16/ZC Tở 8 KP5               | Thợ may gia đình                       | 16/ZC Tở 8 KP5, P.Tam Hiệp                               | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 507 | Nguyễn Huy Hoàng    | 13/10/2001 | 272869705 | 128/68 Tở 6 KP5              | Bác vắc                                | Cửa hàng Vật liệu xây dựng Mạnh Phát, P.Tân Mai          | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 508 | Vương Thanh Đạt     | 22/08/2001 | 272896890 | 16/ZC Tở 8 KP5               | Phụ quán cà phê                        | Quán cà phê GHITA, Đường Võ Thị Sáu, P. Tân Tiến         | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 509 | Nguyễn Ngọc Thủy    | 21/03/1955 | 270104345 | 781/8 Tở 3 KP5               | Lao động giúp việc gia đình            | 610 KP5, P.Tam Hiệp                                      | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 510 | NAY H NGUYỄN        | 17/7/1992  | 231396249 | 769 Phạm Văn Thuần, KP5 (TT) | Phụ quán ăn                            | Quán Bía Phương Nam, 769 Phạm Văn Thuần, KP5, P.Tam Hiệp | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 511 | Đông Thị Sen        | 1964       | 270964735 | 128/55/1/8 Tở 5 KP5          | Lao động giúp việc nhà                 | 129/3A Tở 5 KP5, P.Tam Hiệp                              | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 512 | Trần Hoàng Tú       | 1/1/1987   | 363511130 | 14/6 Tở 8 KP5 (TT)           | Tài xế xe tải vận chuyển hàng hóa      | Khu vực TP Biên Hòa                                      | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 513 | Nguyễn Văn Thành    | 31/7/1973  | 271105606 | D13 Tở 14 KP5                | Tài xế xe tải thuê vận chuyển hàng hóa | Khu vực P.Tam Hiệp                                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 514 | Trần Văn Trang      | 1984       | 385604006 | Tở 12 KP5 (TT)               | Bác vắc                                | Cảng Việt Hồng, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu             | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 515 | Nguyễn Đình Thiện   | 30/1/1991  | 272078318 | C21 Tở 14 KP5                | Phụ hồ                                 | Khu vực P.Tam Hiệp                                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 516 | Vũ Đức Thanh        | 7/1/1964   | 270780730 | 128/55/2/9 KP5               | Xe ôm                                  | Khu công nghiệp AMATA                                    | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 517 | Phạm Văn Tú         | 15/6/1969  | 270798750 | 128/55/2/9 Tở 5 KP5          | Thợ hồ                                 | Khu vực P.Tam Hiệp                                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 518 | Nguyễn Đức Minh     | 1/6/1968   | 270788956 | 130/2 Tở 5 KP5               | Thợ hồ                                 | Khu vực P.Tam Hiệp                                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 519 | Võ Văn Nhi          | 13/03/1997 | 334889112 | 127/1B Tở 10 KP5             | Thợ lắp đặt tu điện                    | 549/2 Tở 11 KP4, P.Tang Dai                              | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 520 | Tổng Thiện Khai     | 1964       | 270104332 | B121/2 Tở 1 KP5              | Xe ôm                                  | Khu vực vòng xoay Tam Hòa, P.Tam Hòa                     | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                       |            |           |                         |                                        |                                                                       |          |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|-----------|-------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------|---|-----------|--|--|
| 521 | Trương Thị Anh Thư    | 19/9/1978  | 271263790 | 127/11 KP5              | Thợ làm bánh                           | Cơ sở bánh xốp Tân - 129/8a<br>Tổ 5 KP5, P.Tam Hiệp                   | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 522 | Trương Thị Thanh Xuân | 15/04/1976 | 271240811 | 127/11 KP5              | Thợ làm bánh                           | Cơ sở bánh xốp Tân - 129/8a<br>Tổ 5 KP5, P.Tam Hiệp                   | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 523 | Mai Xuân Đông         | 8/8/1996   | 272533898 | 108/10 Tổ 8 KP5         | Bức vẽ                                 | Kho Cầm - KP3, P.Long Bình                                            | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 524 | Trần Thị Bích Lan     | 24/04/1968 | 272144918 | B18 Tổ 7 KP5            | Bán hàng giày dép                      | B18 Tổ 7 KP5, P.Tam Hiệp                                              | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 525 | Nguyễn Ngọc Tuấn      | 3/8/1973   | 271420834 | 128 Tổ 6 KP5 (TT)       | Phụ bán hàng com                       | 128 Tổ 6 KP5, P.Tam Hiệp                                              | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 526 | Nguyễn Thị Mỹ Hằng    | 10/11/1974 | 271295902 | 128 Tổ 6 KP5 (TT)       | Bán hàng com                           | 128 Tổ 6 KP5, P.Tam Hiệp                                              | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 527 | Nguyễn Ngọc Anh Tú    | 26/03/1998 | 272590299 | 128 Tổ 6 KP5 (TT)       | Phụ bán hàng com                       | 128 Tổ 6 KP5, P.Tam Hiệp                                              | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 528 | Nguyễn Thị Ngọc Minh  | 9/11/1970  | 271160903 | 570/55/1/3 KP5          | Phụ giúp việc nhà                      | 07/1 KP1, P.Bình Đa                                                   | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 529 | Trần Vũ Ngọc Hân      | 21/12/1998 | 272649651 | 570/55/1/3 KP5 (TT)     | Nhân viên bán vé rạp<br>phim           | MINWAH 1096 Phạm Văn<br>Thuận, P.tân Mai                              | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 530 | Hà Minh Anh Khoa      | 14/07/2002 | 272993335 | 16/11 Lý Văn Sơn, KP5   | nhân viên phục vụ<br>quán Ốc Hiếu Long | 109 Lý Văn Sơn, KP6,<br>P.Tam Hiệp                                    | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 531 | Phạm Thành Thái       | 4/11/1987  | 311918499 | 16/11 Tổ 6 KP5 (TT)     | Phụ lái xe chở hàng                    | 16/11 Tổ 6 KP5, P.Tam Hiệp                                            | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 532 | Hoàng Thị Nguyệt Nga  | 1/11/1979  | 271968136 | 570/66 Tổ 10 KP5        | Phụ giúp việc nhà                      | A17 Nguyễn Bảo Đức, KP6,<br>P.Tam Hiệp                                | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 533 | Dương Quốc Khai       | 1992       | 381724417 | 785 KP5                 | Bức vẽ                                 | VLXD Quốc Cường - 143/3<br>Tổ 3, KP5, P.Tam Hiệp                      | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 534 | Nguyễn Duy Trí        | 22/03/1998 | 272677523 | 777 Phạm Văn Thuận, KP5 | Nhân viên phục vụ                      | Quán Soup Bông - 59C Mác<br>Đỉnh Chi, P.Đa Kao, Q1, TP<br>Hồ Chí Minh | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 535 | Nguyễn Thị Sơn        | 20/7/1952  | 270104337 | 146/9 Tổ 3 KP5          | Lao động giúp việc<br>gia đình         | 785 Phạm Văn Thuận, KP5,<br>P.Tam Hiệp                                | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 536 | Lý Hoàng Phương       | 19/04/1977 | 271241032 | 610 KP5                 | Thợ điện cơ                            | 703/3 KP2, P.Tam Hiệp                                                 | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 537 | Phạm Thị Thu Trang    | 21/09/1977 | 271240938 | 610 KP5                 | Bán hàng quần áo via<br>hè             | Khu vực P.Tam Hiệp                                                    | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                       |            |              |                      |                           |                                        |          |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|--------------|----------------------|---------------------------|----------------------------------------|----------|---|-----------|--|--|
| 538 | Lê Ngọc Hải           | 1978       | 271382925    | 570/66 Tò 10 Kp5     | Bán hàng muối rong        | Khu vực P.Tam Hiệp                     | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 539 | Bùi Thanh Từ          | 1/11/1975  | 271468144    | B18/5 Tò 4 Kp5 (TT)  | Lãi xe công nghệ 02 bánh  | Khu vực TP Biên Hòa                    | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 540 | Nguyễn Hùng Cường     | 18/03/1971 | 320977482    | 128/46/28/7 Tò 8 Kp5 | Bốc vác                   | Thanh Phú, Đồng Nai                    | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 541 | Đặng Cường Phú        | 12/9/1984  | 271751340    | 142/5 Kp5            | Xe ôm                     | Khu vực cây xăng số 7 - P.Tam Hiệp     | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 542 | Trần Xuân Vũ          | 21/12/1990 | 271930427    | 805/5 Tò 3 Kp5 (TT)  | Lãi xe cho học sinh       | Khu vực P.Tam Hiệp                     | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 543 | Nguyễn Văn Hoàng      | 1973       | 331480594    | Tò 12, Kp5 (TT)      | Phụ hồ                    | Kp5, P.Tam Hiệp                        | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 544 | Vũ Anh Duy            | 30/10/1992 | 272312574    | 128/5/2/9 Kp5        | Thợ làm giấy              | Khu vực P.Tân Mai                      | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 545 | Nguyễn Huỳnh Thu Thảo | 13/12/1993 | 025172295    | 584 Tò 2 Kp5 (TT)    | Bán vé số dạo             | Khu vực P.Tam Hiệp                     | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 546 | Vũ Thụy Mộng Tiên     | 3/1/1981   | 271413459    | 737/1 Kp5            | Bán hàng rau rong         | Khu vực P.Tam Hiệp                     | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 547 | Nguyễn Hồng Thái      | 10/05/1983 | 25428846     | TT.19/1 Tò 10 Kp 6   | bán nước giải khát        | 19/1 Tò 10 Kp 6 Tam Hiệp               | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 548 | Hoàng Thái Sơn        | 05/05/1983 | 271578538    | 31/4 Tò 13 Kp 6      | Thợ điện cơ               | 31/4 Tò 13 Kp 6 Tam Hiệp               | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 549 | Phạm Ngọc Chính       | 01/01/1976 | 035076010907 | 42/16A Tò 12 Kp 6    | thợ hồ                    | Khu vực thành phố Biên Hòa             | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 550 | Nguyễn Thị Nga        | 03/04/1971 | 270937379    | 29/A7 Tò 1 Kp 6      | thợ may gia đình          | nhà may phương 57/285 Kp 1 P. Tân Mai  | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 551 | Trần Ngọc Hưng        | 05/05/1997 | 215568363    | TT. 19/9 Kp 6        | Thợ cắt tóc               | 2056 P. Hòa An                         | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 552 | Nguyễn Đình Chiến     | 17/09/1979 | 042079001561 | 92/1 Tò 8 Kp 6       | phụ xe                    | 227/20 Gò Dầu P. Tân Phú Q. Tân Phú    | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 553 | Vũ Thế Anh            | 30/10/1981 | 001081004987 | 52/26 Tò 13 Kp 6     | chạy xe công nghệ 2 bánh  | Khu vực thành phố Biên Hòa             | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 554 | Phạm Ngọc Ánh         | 01/05/1970 | 075070012800 | 55/28 Tò 13 Kp 6     | bốc vác vật liệu xây dựng | vật liệu xây dựng Tam Suong P. an Bình | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                       |            |              |                     |                        |                                       |          |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|--------------|---------------------|------------------------|---------------------------------------|----------|---|-----------|--|--|
| 555 | Nguyễn Hữu Nam        | 02/05/1983 | 271826483    | 28/11 tổ 6 kp 6     | Thợ cắt tóc            | tại nhà 28/11 tổ 6 kp 6 Tam Hiệp      | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 556 | Phạm Văn Biên         | 05/10/1992 | 187331650    | TT.1B/9 TÔ 10 KP 6  | chạy xe ôm             | khu vực thành phố Biên Hòa            | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 557 | Trần Duy Diệu         | 29/10/1992 | 194471052    | TT.271 KP 6         | Thợ cơ khí             | tại nhà 271 kp 6 Tam Hiệp             | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 558 | Nguyễn Quốc Huy       | 06/06/1990 | 272985738    | TT. 263 kp 6        | bán hoa tươi           | tại nhà 263 kp 6 Tam Hiệp             | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 559 | Nguyễn Hoàng Phúc     | 09/01/1994 | 272326354    | 25/4c tổ 6 kp 6     | chạy xe ôm             | khu vực thành phố Biên Hòa            | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 560 | Bùi Thị Phương        | 22/09/1983 | 271671072    | TT.28/11 tổ 6 kp 6  | Thợ uốn tóc            | tại nhà 28/11 tổ 6 kp 6 Tam Hiệp      | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 561 | Đào Kim Phương        | 13/06/1994 | 036194000071 | TT. 26/4b tổ 6 kp 6 | bán lẻ vé số           | khu vực P. Tam Hiệp                   | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 562 | Nguyễn Thị Hải        | 09/10/1966 | 145405012    | TT.12/4 tổ 6 kp 6   | bán rong rau củ quả    | đường Lý Văn Sâm kp 6 Tam Hiệp        | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 563 | Hồ Thị Kim Loan       | 06/07/1976 | 331413139    | TT.22A tổ 10 kp 6   | phụ quán phở           | A22 kp 6 Tam Hiệp                     | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 564 | Nguyễn Thị Khanh Linh | 23/05/2000 | 075300011973 | 1D tổ 10 kp 6       | Thợ cắt tóc            | 1D tổ 10 kp 6 Tam Hiệp                | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 565 | Hoàng Thanh Phương    | 13/01/1986 | 271812408    | 19/3C KP 6          | bán bánh mì dạo        | đường Đồng Khởi kp 6 Tam Hiệp         | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 566 | Phạm Thị Liên         | 15/03/1986 | 290816830    | TT. 19/9 kp 6       | phụ quán ăn            | quán ăn Tương Vy 2 p. Tân Hiệp        | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 567 | Nguyễn Thị Phương Hoa | 04/10/1969 | 272098290    | 30/4 kp 6           | giúp việc nhà theo giờ | kp 2 p. Trảng Dài                     | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 568 | Nguyễn Thị Tuyết      | 02/05/1964 | 270459394    | 30/37 tổ 10 kp 6    | giúp việc nhà          | 30/46 kp 6 Tam Hiệp                   | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 569 | Bùi Văn Gian          | 20/08/1971 | 131606738    | TT.42/43 tổ 12 kp 6 | phụ quán cơm           | quán cơm 126 kp 6 Tam Hiệp            | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 570 | Vũ Ngọc Lan           | 24/10/1977 | 273634168    | TT.42/43 tổ 12 kp 6 | bán xôi rong           | khu vực kp 6 đường Đồng Khởi Tam Hiệp | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 571 | Bùi Sỹ Liên           | 28/06/1999 | 077099000348 | TT.43/42 tổ 12 kp 6 | nhân viên phụ quán     | Karaoke Hồng Nhung kp 6 Tam Hiệp      | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                       |            |              |                      |                     |                                                           |          |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|--------------|----------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------|----------|---|-----------|--|--|
| 572 | Nguyễn Thị Ngọc Nhung | 27/04/1993 | 272268169    | TT.42/43 kp 6        | phụ quán phở        | quán phở Thìn l p. Tam Hòa                                | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 573 | Nguyễn Công Dương     | 12/10/1991 | 250833822    | TT.42/2 kp 6         | phụ quán phở        | quán phở Việt đường Trương Đình kp 2 p. Tân Mai           | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 574 | Đàn Văn Linh          | 06/07/1999 | 231266990    | TT.42/29 tờ 12 kp 6  | nhân viên phục vụ   | Karaoke Tuấn Anh kp 6 Tam Hiệp                            | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 575 | Hồ Thanh Kỳ           | 10/19/1970 | 022944974    | TT.3/2C KP6          | Bán cơm trưa vỉa hè | Tổ 17 đường Đặng Đức Thuật KP6 Tam Hiệp                   | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 576 | Lê Chi Phi            | 5/30/1991  | 038091009995 | TT.4/37 (14/11B) KP6 | Đàn bếp             | GOUGH K29 KP7 phường Thông Nhất                           | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 577 | Võ Ngọc Quý           | 03/02/1992 | 225445099    | TT.42/2 tờ 12 kp 2   | bóc vác             | khu vực P. Trảng Dài                                      | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 578 | Nguyễn Nhứt Mỹ        | 11/24/1981 | 075181000335 | Q8 tờ 18 KP6         | Thợ may gia đình    | 5/2E KP6 Tam Hiệp                                         | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 579 | Ngô Văn Hồ            | 1986       | 385454976    | TT.10 13 kp 6        | thợ hồ              | khu vực huyện Vĩnh Cửu                                    | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 580 | Tào Văn Hào           | 09/09/1987 | 038087000944 | TT.55/34 tờ 13 kp 6  | phụ hồ              | khu vực p. Tam Hiệp                                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 581 | Lê Minh Chi           | 28/07/1988 | 321291746    | TT.24/20A tờ 13 kp 6 | bán dưa tươi        | 1416 Nguyễn Xiển tờ 1 kp Long Sơn p. Long Bình Q. Thủ Đức | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 582 | Vũ Ngọc Long          | 27/09/1980 | 271356965    | 30/14B kp 6          | Thợ sửa xe          | tiệm sửa xe Lâm Đồng 30/14B kp 6 Tam Hiệp                 | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 583 | Đỗ Thu Phương         | 27/02/1972 | 271448756    | 42/17 tờ 12 kp 6     | thợ may gia đình    | 42/17 tờ 12 kp 6 Tam Hiệp                                 | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 584 | Trần Sang             | 23/08/2000 | 272896996    | 42/41 kp 6           | phục vụ             | nhà hàng Cát Tường Garden kp 2 Tam Hiệp                   | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 585 | Phạm Thị Nhuận        | 18/05/1978 | 271278272    | 30/14b kp 6          | thợ may gia đình    | 30/14b kp 6 Tam Hiệp                                      | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 586 | Nguyễn Văn Mừng       | 1985       | 381371097    | TT.36/27 tờ 1 kp 2   | phụ hồ              | khu vực thành phố Biên Hòa                                | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 587 | Trương Xuân Vinh      | 25/08/1982 | 271473291    | TT. 279/69 tờ 1 kp 6 | lái xe thuê         | chủ xe Phạm Văn Kỳ 283c kp 11 p. Tân Phong                | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 588 | trần tấn Đức          | 27/04/1995 | 261333484    | TT.297/69 tờ 1 kp 6  | phục vụ quán ăn     | l/b quán vườn cau p. Tân Mai                              | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                        |            |              |                       |                    |                                                    |          |   |           |  |  |
|-----|------------------------|------------|--------------|-----------------------|--------------------|----------------------------------------------------|----------|---|-----------|--|--|
| 589 | Đinh Đồng Đoạt         | 13/03/1969 | 272885700    | 36/5 tổ 1 kp 6        | thợ may gia đình   | 36/5 tổ 1 kp 6 Tam Hiệp                            | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 590 | Nguyễn Thế Thanh Mùi   | 17/01/1991 | 075191501714 | 11/32 tổ 1 kp 2       | phụ quán giải khát | quán cỏ huyện, ấp 3 xã lưon<br>liền huyện Vĩnh cứu | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 591 | Nguyễn Văn Chính       | 03/12/1968 | 271993321    | 11/5 tổ 1 kp 6        | phụ quán bán riêu  | 11/5 tổ 1 kp 6 Tam Hiệp                            | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 592 | Nguyễn Thị Tiên Nữ     | 24/07/2003 | 342064219    | TT. 279/59 tổ 1 kp 6  | giúp việc gia đình | 36/47 kp 7 p. Tân Tiến                             | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 593 | Nguyễn Văn Lóa         | 22/03/1990 | 321424129    | TT. 28 tổ 1 kp 6      | thợ xây            | khu vực thành phố Biên Hòa                         | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 594 | Tần Công Phúc Lộc      | 12/03/1973 | 271137250    | 4a tổ 7 kp 6          | phụ bán bún        | quán bún Tàt Tiên kp 6 Tam<br>Hiệp                 | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 595 | Lê Thị Kim Duyên       | 3/10/2000  | 371862198    | TT. 738/125 tổ 1 kp 6 | Thợ uốn tóc        | 738/125 tổ 1 kp 6 Tam Hiệp                         | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 596 | Nguyễn Quốc Bảo        | 21/09/1976 | 075076001051 | TT. 279/67 tổ 1 kp 6  | phụ hồ             | khu vực thành phố Biên Hòa                         | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 597 | Trương Đình Khang      | 05/03/1992 | 272345740    | 26/15 tổ 1 kp 6       | thợ điện gia dụng  | tổ 1 kp 6 Tam Hiệp                                 | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 598 | Tạ Thụy Minh Thủy      | 25/08/1985 | 272879903    | 5/4 kp 6              | thợ may gia đình   | 5/4 kp 6 Tam Hiệp                                  | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 599 | Nguyễn Hoàng Ngọc Thảo | 16/11/1998 | 272678715    | 29/A7 tổ 1 kp 6       | thợ may gia đình   | 29/A7 tổ 1 kp 6 Tam Hiệp                           | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 600 | Chung Hoàng Tài        | 29/09/1987 | 341328228    | TT. 11/2b tổ 1 kp 6   | Thợ uốn tóc, nail  | Sunny Beany 11/2B tổ 1 kp 6<br>Tam Hiệp            | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 601 | Vũ Văn Xuân            | 24/09/1970 | 075070001464 | 18/5 kp 6             | Xe ôm              | khu vực phường Tam Hiệp                            | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 602 | Nguyễn Thị Mỹ Hòa      | 10/25/1972 | 271426863    | TT. 235/81/13 KP7     | Bán chà lủi vừa hè | 70C/1 Đặng Đức Thuật kp6<br>Tam Hiệp               | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 603 | Lê Minh Hiếu           | 6/10/1985  | 271802247    | 3/32 KP7              | Xe ôm              | Khu vực P. Tân Mai                                 | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 604 | Nguyễn Thị Hương       | 5/29/1974  | 272438388    | 3/32C KP7             | Bán bánh mì        | Đường Phạm Văn Thuận,<br>Tam Hiệp                  | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 605 | Lê Văn Bảo             | 3/6/1969   | 270872278    | 3/32A KP7             | Xe ôm              | Khu vực P. Tam Hiệp                                | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |



|     |                    |            |              |               |                        |                                                   |          |   |           |  |  |
|-----|--------------------|------------|--------------|---------------|------------------------|---------------------------------------------------|----------|---|-----------|--|--|
| 606 | Lê Thanh Trung     | 1/1/1985   | 271777067    | 3/43 KP7      | Xe ôm                  | Khu vực Biên Hòa                                  | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 607 | Châu Thanh Nhân    | 3/24/1984  | 272677092    | 752 KP7       | Thợ may gia đình       | 752 KP7 Tam Hiệp                                  | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 608 | Đỗ Thu Lan Anh     | 2/7/1963   | 270110491    | 752 KP7       | Thợ may gia đình       | 752 KP7 Tam Hiệp                                  | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 609 | Cao Thị Nữ         | 4/20/1981  | 271458059    | 3/42 KP7      | Máy gia công tại nhà   | 3/42 KP7 Tam Hiệp                                 | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 610 | Huỳnh Thị Kim Hồng | 3/10/1968  | 272647193    | 3/42 KP7      | Máy gia công tại nhà   | 3/42 KP7 Tam Hiệp                                 | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 611 | Phan Thanh Yên     | 9/5/1998   | 272688253    | 3/41 KP7      | Thợ nail               | 3/41 KP7 Tam Hiệp                                 | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 612 | Cao Thị Chung      | 6/17/1963  | 270742933    | 738/35 KP7    | Giúp việc nhà theo giờ | KP6 Tam Hiệp                                      | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 613 | Lê Minh Thông      | 9/28/1987  | 271812611    | 3/32 KP7      | Bóc vải                | Khu vực chợ Tân Hiệp                              | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 614 | Đỗ Thu Anh Thư     | 9/18/1972  | 270962443    | 752 KP7       | Thợ may gia đình       | 752 KP7 Tam Hiệp                                  | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 615 | Võ Huỳnh Kim Liên  | 3/3/1959   | 270102703    | 3/26A KP7     | Bán chè đào            | Khu vực P. Tân Mai                                | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 616 | Võ Thị Kim Loan    | 6/9/1968   | 270727721    | 760/4 KP7     | Thợ sửa quần áo        | 760/4 KP7 Tam Hiệp                                | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 617 | Lê Thị Ngọc Hiền   | 12/12/1964 | 270068085    | 6/58 KP7      | Thợ may gia đình       | 6/58 KP7 Tam Hiệp                                 | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 618 | Ngô Thanh          | 5/20/1970  | 270894313    | TT 3/11 KP7   | Bóc vải                | Cửa hàng Nhí Luyến P. Tân Biên                    | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 619 | Đinh Thị Vài       | 1/1/1950   | 271306891    | 3/15A KP7     | Thợ gom rác, phế liệu  | Khu vực P. Tam Hiệp                               | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 620 | Đặng Hoàng Phước   | 1985       | 371103429    | TT 3/47 KP7   | Thợ hồ                 | Khu vực P. Tam Hiệp                               | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 621 | Đinh Công Viên     | 4/28/2001  | 036201001608 | TT 3/15A KP7  | Bán kem ăn dạo         | Khu vực P. Tam Hiệp                               | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 622 | Phạm Thị Ngọc Anh  | 7/18/1996  | 273679032    | TT 760/31 KP7 | Phụ bán hàng           | Cửa hàng nội thất Thành Đại Phát 762 KP7 Tam Hiệp | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                     |            |           |                |                                 |                           |          |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------------|-----------|----------------|---------------------------------|---------------------------|----------|---|-----------|--|--|
| 623 | Lê Thị Ngọc Thu     | 12/25/1937 | 270447673 | TT 3/11A KP7   | Sửa quần áo tại nhà             | 3/11 KP7 Tam Hiệp         | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 624 | Trần Ngọc Châu      | 10/20/1972 | 271105243 | TT 3/11 KP7    | Vận chuyển hàng hóa (xe ba gác) | Khu vực P. Tam Hiệp       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 625 | Nguyễn Văn Hưu      | 4/25/1992  | 272061583 | TT 3/11 KP7    | Phụ hồ                          | Khu vực P. Tam Hiệp       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 626 | Phan Thị Lan        | 6/29/1967  | 270709685 | 3/39B KP7      | Giúp việc nhà theo giờ          | Khu vực P. Bình Đa        | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 627 | Nguyễn Thị Kim Loan | 12/6/1971  | 270898223 | TT 2/9B KP7    | Thợ may gia đình                | 2/9B KP7 Tam Hiệp         | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 628 | Nguyễn Mậu Trung    | 5/28/1993  | 272222391 | 5/21C KP7      | Phụ quán ăn                     | H65 D12 KP7 P. Thống Nhất | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 629 | Lê Thị Hằng Nga     | 3/23/1974  | 271143590 | 4/30 KP7       | Thợ may gia đình                | 4/30 KP7 Tam Hiệp         | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 630 | Nguyễn Thị Kim Loan | 7/22/1965  | 270661659 | 4/30 KP7       | Làm nail                        | 4/30 KP7 Tam Hiệp         | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 631 | Nguyễn Thị Kiều Như | 10/31/1961 | 270105747 | 1/3A KP7       | Giúp việc nhà theo giờ          | Khu vực P. Tân Mai        | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 632 | Nguyễn Văn Hồ       | 2/20/1997  | 272534119 | 4/25C KP7      | Vận chuyển hàng hóa (xe ba gác) | Khu vực P. Tam Hiệp       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 633 | Ngô Thị Kim Liên    | 1958       | 271537309 | 100/1A KP7     | Giúp việc nhà theo giờ          | KP7 Tam Hiệp              | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 634 | Lai Tuyết Mai       | 5/29/1964  | 270090467 | 706/30 KP7     | Giúp việc nhà theo giờ          | Khu vực P. Quang Vinh     | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 635 | Thạch Hoàng Phong   | 4/4/1997   | 334865887 | TT 706/5/2 KP7 | Thợ hồ                          | Khu vực P. Tân Mai        | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 636 | Lê Thị Thanh Thảo   | 11/1/1986  | 271927280 | 4A/20 KP7      | Bàn xôi rong                    | Khu vực P. Tam Hiệp       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 637 | Nguyễn Thị Nghiệm   | 6/22/1967  | 270872867 | 706 KP7        | Bàn bún ăn sáng                 | 706 tổ 3 KP7 Tam Hiệp     | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 638 | Đinh Thanh Hải      | 3/29/2002  | 272855535 | 706 KP7        | Thu gom rác, phế liệu           | Khu vực P. Bình Đa        | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 639 | Vũ Minh Bạch        | 2/7/1971   | 270965349 | TT 4/31 KP7    | Thu gom rác, phế liệu           | Khu vực P. Tam Hiệp       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                       |            |              |              |                        |                                                |          |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|--------------|--------------|------------------------|------------------------------------------------|----------|---|-----------|--|--|
| 640 | Vũ Minh Đạt           | 1974       | 271147691    | TT 4/31 KP7  | Thu gom rác, phế liệu  | Khu vực P. Trảng Dài                           | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 641 | Nguyễn Kim Phương     | 1980       | 271356672    | 4/24 KP7     | Phụ bàn cơm            | Tổ 2 KP2, P. Trảng Dài                         | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 642 | Mai Văn Dần           | 8/16/1992  | 215261301    | TT 4/28 KP7  | Bán nước ép trái cây   | 34F tổ 24 KP3 P. Trảng Dài                     | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 643 | Nguyễn Hữu Quân       | 5/31/2000  | 272835725    | 4/28B KP7    | Xe om công nghệ        | Khu vực P. Thông Nhất                          | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 644 | Nguyễn Thị Ngọc Hiền  | 1976       | 271241199    | 4/28B KP7    | Bán xôi trong          | Công nhà máy giấy Tân Mai,<br>P. Thông Nhất    | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 645 | Nguyễn Minh Tân       | 2/6/1969   | 270781127    | 706 KP7      | Thợ hồ                 | Khu vực P. Bình Đa                             | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 646 | Lê Văn Thanh          | 10/16/1989 | 194474134    | TT 4/28 KP7  | Phụ hồ                 | Khu vực Biên Hòa                               | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 647 | Trần Thị Mai          | 4/14/1964  | 270720623    | 4/29 KP7     | Giúp việc nhà theo giờ | Tổ 1 Kp8 Tam Hiệp                              | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 648 | Trương Thị Hồng Cẩm   | 10/27/1977 | 271241248    | 4/28 KP7     | Bán xôi                | 4/28 KP7 Tam Hiệp                              | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 649 | Trương Kim Loan       | 6/6/1969   | 270780442    | 98/5 KP7     | Thợ may gia đình       | 98/5 KP7 Tam Hiệp                              | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 650 | Đinh Khang Hy         | 10/30/2000 | 272926715    | 98/5 KP7     | Thợ may gia đình       | 98/5 KP7 Tam Hiệp                              | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 651 | Đỗ Văn Đăng           | 1967       | 272885594    | 4/29 KP7     | Thu gom rác, phế liệu  | Khu vực P. Tam Hiệp                            | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 652 | Nguyễn Trọng Tâm      | 3/16/1978  | 271293620    | TT 4/29A KP7 | Xe om                  | Khu vực P. Tam Hiệp                            | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 653 | Nguyễn Văn Trọng      | 1965       | 270608314    | TT 4/29A KP7 | Thợ hồ                 | Khu vực P. Tam Hiệp                            | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 654 | Nguyễn Thị Tuyết Oanh | 6/8/2004   | 075304001316 | 3/47E kp7    | Phụ bán bánh mì        | Tiền bánh mì Linh Đa kp2<br>Tam Hiệp           | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 655 | Nguyễn Hữu Hà         | 3/26/1991  | 197285674    | TT 4/28 KP7  | Thợ sửa xe             | Châu Long 513/9 Nguyễn<br>Oanh, Gò Vấp, TP.HCM | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 656 | Chau Tấn Nghĩa        | 3/9/1974   | 030074012921 | TT 4/28 KP7  | Phụ hồ                 | Khu vực Biên Hòa                               | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                     |            |              |                        |                                     |                                                            |          |   |           |  |  |
|-----|---------------------|------------|--------------|------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------|---|-----------|--|--|
| 657 | Hồ Duy Phương       | 9/10/1985  | 205127262    | TT 4/29A KP7           | Thư hỏi                             | KP Tân Mai, P. Phước Tân                                   | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 658 | Bùi Hồng Cường      | 5/19/1982  | 017082000206 | tt 738/73 tổ 7 kp7     | Bức viết                            | Khu vực P. Tân Biên                                        | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 659 | Võ Thành Minh       | 10/12/1984 | 271705135    | 4/18 KP7               | Văn chuyển hàng hóa (xe ba gác)     | Khu vực Tam Hiệp                                           | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 660 | Nguyễn Mạnh Giàu    | 1985       | 370990897    | TT 706/17 KP7          | Thư cơ khí                          | 80/3 KP4 P. Tân Hiệp                                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 661 | Nguyễn Tấn Tài      | 1/14/1977  | 271289173    | 4/24 KP7               | Thư hỏi                             | Khu vực Tam Hiệp                                           | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 662 | Võ Thanh Minh       | 10/12/1984 | 271744220    | 4/18 KP7               | Thư gom rác, phiếu hiệu             | Khu vực Tam Hiệp                                           | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 663 | Đặng Thị Hồng Nhung | 3/1/1971   | 270962877    | 4/43A KP7              | Thư mua gia đình                    | 4/43A KP7 Tam Hiệp                                         | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 664 | Võ Thị Hồng Giang   | 5/24/1978  | 271448623    | 4/18 KP7               | Bản bản riêu                        | 2/4 tổ 6 KP1 Tân Mai                                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 665 | Bùi Thị Lan         | 8/27/1970  | 270971522    | 4/29A KP7              | Thư mua gia đình                    | 4/29A KP7 Tam Hiệp                                         | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 666 | Đỗ Thị Minh Đào     | 9/15/1990  | 272143166    | 4/29A KP7              | Phụ chẩn sóc trẻ tại nhà            | 4/29A KP7 Tam Hiệp                                         | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 667 | Nguyễn Bà Huy Hoàng | 1/6/1997   | 272501402    | 738/100/12/49 tổ 7 KP8 | Văn chuyển hàng hóa (xe 02 bánh)    | 150 Đinh Phong Phú, P. Tăng Nhơn Phú, TP. Thủ Đức, TP. HCM | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 668 | Nguyễn Đoàn Tiến    | 2/2/1969   | 270794321    | 2/150 KP8              | Phụ hồ                              | KP8, P. Trưng Dải                                          | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 669 | Đào Vinh Thụy       | 17/12/1974 | 271067034    | 2/155 KP8              | Bức viết                            | Khu vực P. Tam Hiệp                                        | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 670 | Phạm Thị Như        | 28/01/1983 | 271730587    | 2/151 Tổ 3 KP8         | Bản hàng giò chả                    | 2/151 Tổ 3 KP8, P. Tam Hiệp                                | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 671 | Nguyễn Văn Long     | 5/9/1972   | 271571323    | 2/163 tổ 3, KP8        | Tài xế lái xe 4 bánh chở khách thuê | Tỉnh Bình Dương                                            | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 672 | Kim Ngọc Quân       | 16/1/1993  | 272326391    | 2/170 Tổ 3 KP8         | Lái xe công nghệ 02 bánh            | Khu vực TP. Biên Hòa                                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 673 | Phạm Xuân Quang     | 21/10/1959 | 270830192    | 2/14B tổ 3 KP8         | Giữ trẻ tại nhà                     | 2/14B tổ 3 KP8, P. Tam Hiệp                                | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                    |            |              |                     |                                 |                                                |          |   |           |  |  |
|-----|--------------------|------------|--------------|---------------------|---------------------------------|------------------------------------------------|----------|---|-----------|--|--|
| 674 | Nguyễn Thị Tuyết   | 16/03/1968 | 270727641    | 88/13 KP8           | Thợ may gia đình                | 88/13 KP8, P. Tam Hiệp                         | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 675 | Trần Ngọc Hoàng    | 28/11/1994 | 272455569    | 21/19A KP8          | Nhân viên giao hàng             | KP1, P. Tam Hòa                                | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 676 | Phạm Thị Thanh     | 19/04/1970 | 075170001550 | 21/6 KP8            | Lao động giúp việc gia đình     | Khu chung cư Toàn Thịnh<br>Phát P. Quyết Thắng | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 677 | Nguyễn Thế Dũng    | 17/02/1962 | 270104974    | 88/13 KP8           | Thợ sửa chữa điện tử            | 96/1 KP1, P. Bình Đa                           | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 678 | Nguyễn Đức Thắng   | 22/03/1971 | 270872824    | 88/11 KP8           | Thợ sửa chữa điện tử            | 96/1 KP1, P. Bình Đa                           | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 679 | Võ Thị Tuyền       | 1/6/1984   | 272719541    | 88/11 KP8           | Thợ làm tóc                     | 88/11 KP8 P. Tam Hiệp                          | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 680 | Phạm Thị Kiều Trâm | 12/4/1984  | 271705894    | 88/68 Tổ 3 KP8      | Thợ làm tóc                     | 88/68 Tổ 3 KP8, P. Tam Hiệp                    | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 681 | Nguyễn Đức Toàn    | 18/3/1970  | 250284167    | 21/41 KP8 (TT)      | Thợ sửa chữa điện               | Khu vực P. Tam Hiệp                            | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 682 | Kim Nam Hải        | 1/6/1958   | 075058004788 | 21/79A tổ 3 KP8     | Thợ xây                         | Khu vực P. Tam Hiệp                            | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 683 | Lê Văn Trúc        | 3/4/1977   | 363853617    | Tổ 3 KP8 (TT)       | Thợ hồ                          | Khu vực tỉnh Đồng Nai                          | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 684 | Nguyễn Thanh Quang | 6/5/1967   | 272326361    | 210/6 Tổ 9 KP8      | Phụ hồ                          | P. Hồ Nai                                      | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 685 | Nguyễn Đức Thắng   | 16/10/1969 | 270780774    | 210/6A Tổ 9 KP8     | Phụ hồ                          | P. Tân Mai                                     | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 686 | Nguyễn Thị Lệ      | 1/8/1973   | 271059190    | 210/6A Tổ 9 KP8     | Thợ may gia đình                | 210/6A Tổ 9 KP8 P. Tam Hiệp                    | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 687 | Huỳnh Thị Khi      | 7/6/1988   | 240973988    | 28/28 Tổ 8 KP8 (TT) | Thợ làm nail                    | 28/28 Tổ 2 KP8, P. Tam Hiệp                    | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 688 | Vu Thị Mai Linh    | 27/02/1979 | 271416570    | 27/5A Tổ 7 KP8      | Thợ may gia đình                | 27/5A Tổ 7 KP8, P. Tam Hiệp                    | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 689 | Phạm Văn Quyết     | 26/01/1970 | 271921445    | 28/4 tổ 8 KP8       | Thợ hồ                          | Khu vực TP Biên Hòa                            | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 690 | Trần Trọng Cường   | 4/8/1968   | 270780798    | 738/68/23 Tổ 8 KP8  | Tài xế lái xe tải cho hàng thuê | Cửa hàng đồ điện Quang<br>Thanh, P. Tân Mai    | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                      |            |              |                         |                                     |                                                      |          |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|--------------|-------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------|----------|---|-----------|--|--|
| 691 | Bùi Thị Nga          | 17/5/1966  | 270672004    | 28/11 Tổ 8 KP8          | Thợ may gia đình                    | 28/11 Tổ 8 KP8, P. Tam Hiệp                          | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 692 | Nguyễn Hoàng Châu    | 5/10/1996  | 272688564    | 28/24 Tổ 8 KP8          | Thợ sửa xe                          | 738/102C tổ 9 KP8, P. Tam Hiệp                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 693 | Nguyễn Thị Nga       | 5/1/1963   | 272122798    | 28/6 Tổ 8 KP8           | Lao động giúp việc gia đình         | Khu vực P. Tam Hiệp                                  | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 694 | Phạm Thị Ánh Nguyệt  | 28/02/2000 | 272764374    | 28/6 Tổ 8 KP8           | Thợ may gia đình                    | 28/6 Tổ 8 KP8, P. Tam Hiệp                           | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 695 | Nguyễn Thị Thêu      | 1/1/1954   | 272151540    | 28/8B tổ 8 KP8          | Bàn hàng cá rong                    | KP6, P. Tam Hiệp                                     | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 696 | Lê Thành Tâm         | 2/5/2004   | 331944489    | 738/68/66 Tổ 8 KP8 (TT) | Thợ hồ                              | Khu vực P. Tam Hiệp                                  | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 697 | Nguyễn Thị Kim Phụng | 6/8/1965   | 270689531    | 28/25A Tổ 8 KP8         | Thợ may gia đình                    | 28/25A Tổ 8 KP8 Tam Hiệp                             | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 698 | Tạ Hữu Anh Tú        | 20/9/1984  | 271724255    | 28/70 KP8               | Tài xế xe 4 bánh chở khách thuê     | 28/30 KP8, P. Tam Hiệp                               | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 699 | Hoàng Xuân Hiền      | 28/5/1965  | 270661578    | 28/29 Tổ 8 KP8          | Phụ hồ                              | Khu vực TP Biên Hòa                                  | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 700 | Hoàng Thị Kim Lan    | 22/1/1992  | 272266228    | 28/39 Tổ 8 KP8          | Thợ trang điểm, trang trí tiệc cưới | 28/39 Tổ 8 KP8, P. Tam Hiệp                          | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 701 | Vũ Trọng Nguyễn      | 26/11/2001 | 272831254    | 738/68/51 KP8           | Bếp vác                             | P. Bàu Long                                          | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 702 | Ngô Trần Duy Khánh   | 23/10/1981 | 271448038    | 210/16 Tổ 8 KP8         | Thợ hồ                              | Khu vực TP Biên Hòa                                  | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 703 | Nguyễn Duy Anh       | 12/7/1983  | 271744602    | 738/68/74 KP8           | Thợ sửa xe                          | E3 KP4, P. Tam Hiệp                                  | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 704 | Đoàn Hữu Minh        | 12/5/1964  | 270105443    | 738/68/38 Tổ 8, KP8     | Thợ hồ                              | Khu vực P. Tân Mai, P. Tam Hiệp                      | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 705 | Phạm Đức Minh Nhân   | 10/10/1971 | 044071002338 | 24/40 Tổ 2 KP8 (TT)     | Nhân viên phục vụ quán ăn           | Quán ăn Hương Đồng Nội - 24/40 Tổ 2 KP8, P. Tam Hiệp | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 706 | Trần Tấn Đạt         | 31/01/1991 | 321384944    | 24/40 Tổ 2 KP8 (TT)     | Nhân viên phục vụ quán ăn           | Quán ăn Hương Đồng Nội - 24/40 Tổ 2 KP8, P. Tam Hiệp | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 707 | Phạm Thị Mai         | 5/7/1986   | 271664806    | 24/40 Tổ 2 KP8 (TT)     | Đầu bếp                             | Quán ăn Hương Đồng Nội - 24/40 Tổ 2 KP8, P. Tam Hiệp | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |





|     |                      |            |              |                    |                           |                                                    |          |   |           |  |  |
|-----|----------------------|------------|--------------|--------------------|---------------------------|----------------------------------------------------|----------|---|-----------|--|--|
| 708 | K.A RI MAH           | 1/1/1970   | 270849138    | 24/40 T.2 KP8 (TT) | Nhân viên phục vụ quân an | Quán an Hương Đồng Nội - 24/40 T.2 KP8, P.Tam Hiệp | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 709 | Vũ Huy Hoàng         | 6/8/1968   | 270962040    | 526/150 KP9        | Bác vắc                   | Khu vực P.Tam Hiệp                                 | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 710 | Nguyễn Thị Khen      | 9/12/1968  | 270926074    | 526/150 KP9        | Giữ trẻ tại nhà           | 526/150 KP9 Tam Hiệp                               | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 711 | Vũ Đức Hòa           | 4/16/1973  | 271385101    | 91/8A KP9          | Phụ hồ                    | Khu vực Biên Hòa                                   | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 712 | Trần Thị Kim Tiếng   | 6/25/1962  | 270089961    | 123/11 KP9         | Thợ uốn tóc               | 123/11 KP9 Tam Hiệp                                | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 713 | Phạm Thị Hương       | 10/28/1970 | 270799420    | 212/17B KP9        | Thợ may gia đình          | 212/17B KP9 Tam Hiệp                               | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 714 | Hoàng Đức Anh        | 1984       | 251197625    | TT 2B KP9          | Thợ hồ                    | Công 11 P.Long Bình Tân                            | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 715 | Bùi Văn Hiền         | 10/15/1978 | 038078002930 | TT 2B KP9          | Thợ hàn                   | 59/12 ấp Cầu Hang, P.Hòa An                        | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 716 | Đoàn Việt Hùng       | 2/23/1966  | 270660967    | 48 KP9             | Thợ sửa mô tô điện        | 48 tổ 4 KP9 Tam Hiệp                               | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 717 | Nguyễn Thị Sao       | 7/9/1972   | 271306865    | 48 KP9             | Phụ quán cơm              | 52 Đoàn Văn Cư P.Tam Hiệp                          | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 718 | Đoàn Đức Huy         | 6/7/1998   | 272677434    | 48 KP9             | Phụ xe tải                | Chợ xe Nguyễn Thành Luân KP2 Tam Hiệp              | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 719 | Trần Thị Kim Thoa    | 6/6/1957   | 270045548    | 207/1/G KP9        | Giúp việc nhà             | 116 Nguyễn Thành Phương, P.Thống Nhất              | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 720 | Vũ Thị Hồng Phương   | 9/24/1981  | 271471573    | 702/14 KP9         | Thợ may gia đình          | 702/2/14 KP9 Tam Hiệp                              | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 721 | Nguyễn Vũ Xuân Triều | 7/13/1988  | 271921364    | 526/43 KP9         | Bác vắc                   | Tổ 13D ấp Bình Hòa, P.Hòa An                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 722 | Bùi Thị Mỹ Trang     | 9/22/1962  | 270108738    | 526/45/11 KP9      | Phụ bán cơm               | Chợ Tam Hiệp                                       | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 723 | Tạ Thị Thanh Tâm     | 1/14/1984  | 271751379    | TT 206/17 KP9      | Phụ bán thịt bò           | 7/82 KP1 P. Long Bình Tân                          | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 724 | Nguyễn Xuân Thanh    | 1/5/1955   | 270107003    | 89/8 KP9           | Xe ôm                     | Khu vực P.Tam Hiệp                                 | 5/1/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |

|     |                       |            |           |                 |                                   |                                           |            |   |           |  |  |
|-----|-----------------------|------------|-----------|-----------------|-----------------------------------|-------------------------------------------|------------|---|-----------|--|--|
| 725 | Phạm Thị Thu Hà       | 12/2/1973  | 271339388 | 220/17 KP9      | Bàn ghế                           | 220/17 KP9 Tam Hiệp                       | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 726 | Nguyễn Minh Giang     | 11/27/1982 | 271603164 | 216/17 KP9      | Thợ sửa chữa điện                 | 216/17 KP9 Tam Hiệp                       | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 727 | Vũ Viết Nam           | 4/1/1957   | 270107090 | 70/2/12 KP9     | Xe ô tô                           | Khu vực P. Tam Hiệp                       | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 728 | Nguyễn Thanh Thảo     | 9/9/1983   | 271503461 | 216/17 KP9      | Bàn ghế                           | 216/17 KP9 Tam Hiệp                       | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 729 | Dương Thủy Duyên      | 12/6/1985  | 271698415 | 212/17 KP9      | Làn nail                          | 212/17 KP9 Tam Hiệp                       | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 730 | Trần Hữu Toàn         | 7/1/1986   | 351812220 | TT 214/17 KP9   | Thợ sửa xe                        | 44/17 KP9 Tam Hiệp                        | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 731 | Tống Nguyễn Hồng Ngân | 1/29/1985  | 271711075 | 213/17 KP9      | Làn nail                          | 213/17 KP9 Tam Hiệp                       | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 732 | Trương Tuyết Nhi      | 12/19/1994 | 272359999 | 526/33/15 KP9   | Thợ cắt uốn tóc                   | 526/33/15 KP9 Tam Hiệp                    | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 733 | Nguyễn Ngọc Châu      | 6/16/1958  | 270640443 | 70/2/35 KP9     | Thợ hồ                            | Khu vực P. Tam Hiệp                       | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 734 | Hoàng Ngọc Tuấn       | 9/13/1984  | 271730854 | 34/3 KP9        | Thợ nhòam kính                    | 34/3 KP9 Tam Hiệp                         | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 735 | Phạm Thị Nhung        | 9/3/1957   | 270138891 | 70/2/49 KP9     | Giúp việc nhà theo giờ            | Khu vực P. Tam Hòa                        | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 736 | Phạm Văn Nhường       | 2/27/1962  | 270753036 | 46/4 tổ 2 KP9   | Bàn muối trong                    | Khu vực Biên Hòa                          | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 737 | Hoàng Ngọc Toàn       | 10/15/1970 | 270962177 | 34/3 KP9        | Bàn muối trong                    | Khu vực Biên Hòa                          | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 738 | Võ Thanh Tâm          | 01/01/1971 | 276049818 | TT.631 kp 2     | thợ xây                           | khu vực thành phố Biên Hòa                | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 739 | Trần Thị Thủy Linh    | 21/10/1995 | 272378470 | 531/2 tổ 5 kp 2 | phụ việc phòng gym                | Quốc Thượn Fitness Gym tổ 7 kp 7 Tam Hiệp | 01/05/2021 | 0 | 1.500.000 |  |  |
| 740 | Nguyễn Xuân Phương    | 29/8/1969  | 270780972 | 131/9A Tổ 5 KP5 | Tân xế xe tải vận chuyển hàng hóa | P. An Bình                                | 5/1/2021   | 0 | 1.500.000 |  |  |

**3. Phường Thanh Bình**





|                         |                      |            |           |                                                                                     |                              |                                       |           |   |               |  |  |
|-------------------------|----------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------|-----------|---|---------------|--|--|
| 741                     | Nguyễn Thị Thanh Mai | 11/20/1976 | 271252128 | 24 Võ Tánh, kp1                                                                     | Phụ bán hàng tiêu dùng       | 24 Võ Tánh, kp1                       | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000     |  |  |
| 742                     | Mai Thị Ngọc Hà      | 8/17/1985  | 271832687 | 47 Lê Thành Tôn, kp1, Thanh Bình                                                    | Thợ may gia đình             | 47 Lê Thành Tôn                       | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000     |  |  |
| 743                     | Huyền Quốc Văn Nam   | 9/24/1985  | 271698749 | 86/58 Phan Đình Phùng, kp2                                                          | Lái xe công nghệ grab 2 bánh | Lưu động Biên Hòa                     | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000     |  |  |
| 744                     | Lê Đức Bình          | 04/03/1965 | 270793710 | 197/14/1E PDP kp2                                                                   | Thợ sửa chữa điện tử         | Khu vực Biên Hòa                      | 9/7/2021  | 0 | 1.500.000     |  |  |
| 745                     | Ngô Ngọc Huệ         | 07/01/1960 | 270772864 | 120 Phan Đình Phùng                                                                 | Bán hủ tía                   | 120 Phan Đình Phùng                   | 9/7/2021  | 0 | 1.500.000     |  |  |
| 746                     | Đỗ Hữu Đồng          | 12/22/1961 | 270060531 | 56/55 Phan Đình Phùng                                                               | Bao vệ                       | Quán ăn Lũn, Võ Thị Sáu, p Thông Nhất | 9/7/2021  | 0 | 1.500.000     |  |  |
| 747                     | Nguyễn Thị Văn Anh   | 6/27/1993  | 272286183 | Tan trứ 29 Lê Mạnh, Thanh Bình; Thương trứ:148/2/8 kp7, p Tân Tiến                  | Làm nail                     | 29 Lê Mạnh, Thanh Bình                | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000     |  |  |
| 748                     | Đỗ Thị Dung          | 12/21/1973 | 271252718 | Thường trú 166/2 kp2 p Trung Dũng; Tan trứ 74/6/A Phan Đình Phùng, kp 2, Thanh Bình | Phụ bán phở                  | Phở 77 Nguyễn Thị Hiền, Thanh Bình    | 09/7/2021 | 0 | 1.500.000     |  |  |
| 749                     | Huyền Kim Sơn        | 1966       | 271252156 | 64/24/6 Phan D Phùng                                                                | Thợ lắp ống nước xây dựng    | Lưu động Biên Hòa                     | 9/7/2021  | 0 | 1.500.000     |  |  |
| Tổng cộng: 749 lao động |                      |            |           |                                                                                     |                              |                                       |           |   | 1.123.500.000 |  |  |

Tổng số tiền hỗ trợ: 1.123.500.000 đồng  
(Một tỷ, một trăm hai mươi ba triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng